

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

---

**ELCOM CORPORATION**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG



**ELCOM**



# Mục lục

	Trang
<b>Thông điệp từ Chủ tịch</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>7</b>
Tổng quan về ELCOM	6
Quá trình Phát triển	8
Các hoạt động chính	10
Khách hàng - Đối tác	11
Văn hóa Doanh nghiệp	12
Cơ cấu tổ chức - Ban Lãnh đạo	14
Báo cáo Quản trị rủi ro	16
Các công ty con	19
Dữ liệu thống kê về cổ đông	20
<b>PHẦN II. TÌNH HÌNH KINH DOANH</b>	<b>23</b>
Tình hình hoạt động kinh doanh	24
Tình hình tài chính	28
<b>PHẦN III. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>31</b>
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	32
Báo cáo của Ban Kiểm soát	36
<b>PHẦN IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>41</b>



## Thông điệp từ Chủ tịch

**Ông PHAN CHIẾN THẮNG**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Kính chào Quý cổ đông,

Vượt qua chặng đường gần ¼ thế kỷ đầy thăng trầm, ELCOM tự hào khẳng định là Công ty công nghệ đi đầu Việt Nam về các xu hướng IoT, AI, Big Data, Cloud (IABC), luôn không ngừng tìm tòi sáng kiến, phát triển các giải pháp đón sóng công nghệ mới, bên cạnh việc duy trì ổn định vị thế tại các thị trường truyền thống.

Những tín hiệu tích cực trong năm 2019 là minh chứng cho thấy lộ trình chiến lược kinh doanh của ELCOM giai đoạn 2019-2021 đang đi đúng hướng. Năm qua, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Sản phẩm của ELCOM đã tạo ra nhiều sản phẩm mang hàm lượng lớn giá trị công nghệ, cung cấp cho các thị trường viễn thông, giao thông, an ninh quốc phòng và giúp xâm nhập, chiếm lĩnh thị trường nông nghiệp công nghệ cao. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được những nền tảng quan trọng, tạo động lực phát triển cho giai đoạn tiếp theo. Đó là việc tập trung đầu tư mạnh cho các mảng cốt lõi, đặc biệt là các giải pháp sản phẩm mang ứng dụng công nghệ cao, là việc kiến tạo môi trường làm việc năng động và chủ động, phát triển đội ngũ trưởng thành để tiến bước trong cuộc cách mạng rộng lớn đang diễn ra.

Bước sang 2020, ELCOM tiếp tục đẩy mạnh phát triển các giải pháp công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, nắm bắt cơ hội đồng thời tăng cường sức mạnh nội tại bằng việc cải cách bộ máy quản trị, vận dụng tối đa các công cụ giám sát, xây dựng tính chuyên nghiệp trong từng sản phẩm dịch vụ và tác phong con người ELCOM. Năm 2020 được dự báo là một năm đầy thách thức bởi ảnh hưởng sâu rộng của đại dịch COVID-19 lên nhiều mặt kinh tế- xã hội. Tuy nhiên đây cũng là cơ hội mở ra thời đại cho các doanh nghiệp quản trị tốt rủi ro, có sự thích ứng và linh hoạt, biết nắm bắt kịp thời cơ hội mới.

ELCOM đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết và mang tâm thế chủ động nắm bắt thời cơ để tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những công ty công nghệ uy tín hàng đầu Việt Nam, luôn đồng hành cùng khách hàng, đảm bảo lợi ích cho Quý cổ đông cũng như cho người lao động.



Chỉ còn một vài tháng nữa, ELCOM sẽ bước sang tuổi 25 - độ tuổi sung sức nhất của con người, cũng là thời điểm ELCOM sẵn sàng bút phá cho tương lai phát triển bền vững. Ban Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên ELCOM sẽ làm việc bằng tinh thần đoàn kết và ý chí quyết thắng, đồng lòng cho một ELCOM vững bước đi lên.

Cuối cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng gắn bó của Quý Cổ đông trong suốt chặng đường qua. Chúng tôi cam kết tiếp tục nỗ lực hết mình để mang lại những giá trị bền vững cho cổ đông, cho xã hội và cộng đồng.

T/M Hội đồng Quản trị



**PHAN CHIÊN THẮNG**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

## PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG



### Tổng quan về ELCOM

#### Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông

là một trong những công ty công nghệ cao hàng đầu Việt Nam với thế mạnh là các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chìa khóa trao tay và các dịch vụ kỹ thuật cho các ngành viễn thông, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao. ELCOM đồng thời còn là đơn vị phân phối và là cầu nối hoàn hảo cho các đối tác toàn cầu muốn kết nối với thị trường trong nước.

Website: [www.elcom.com.vn](http://www.elcom.com.vn)



Top 50 doanh nghiệp  
CNTT hàng đầu VN



Top 10 doanh nghiệp  
Công nghệ uy tín

**1995**

Năm thành lập

#### Trụ sở chính

Tòa nhà ELCOM, ngõ 15 Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: +84 2438 359 359  
Fax: +84 24 38 355 884  
Email: [hn.info@elcom.com.vn](mailto:hn.info@elcom.com.vn)

#### Chi nhánh HCM

Số 162/12 đường Bình Lợi, Phường 13,  
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

ĐT: +84 28 35 534 980 /81  
Fax: +84 28 35 534 970  
Email: [hcm.info@elcom.com.vn](mailto:hcm.info@elcom.com.vn)



# Quá trình phát triển



1999

1995



NĂM	DẤU MỐC
1995	Thành lập Công ty TNHH Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (ELCOM) tại Hà Nội.
1998	Thành lập Trung tâm Đào tạo phát triển phần mềm (SDTC).
1999	Sản phẩm EYS khắc phục sự cố máy tính Y2K gây tiếng vang đầu tiên cho ELCOM trong cộng đồng doanh nghiệp CNTT Việt Nam.
2004	Đổi tên thành: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELCOM JSC). Thành lập các công ty con trực thuộc; Thành lập Chi nhánh ELCOM tại Thành phố Hồ Chí Minh.
2006	Thành lập Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới (ELCOM Industry).
2007	Tăng trưởng đột biến 193,7% so với năm 2006. Chính thức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI chứng nhận và được ANAB (Hoa Kỳ) công nhận.
2008	Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phần mềm (SDTC) chuyển đổi thành Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM (ESOFT)
2010	Cổ phiếu ELC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
2011	Bước chân vào thị trường giao thông với hệ thống quản lý giao thông trên biển VTS.
2012	Khánh thành tòa nhà ELCOM tại phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.

NĂM	DẤU MỐC
2013	Làm chủ hoàn toàn công nghệ giám sát vệ tinh VSAT và Inmasat – C, một loại vệ tinh phục vụ an ninh quốc phòng.
2014	Top 30 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam 2014.
2015	Thành công với nhiều sản phẩm công nghệ phục vụ giao thông công cộng (như hệ thống đèn tín hiệu, hướng dẫn đỗ xe tự động, chấm điểm sát hạch lái xe ô tô tự động, quản lý phương tiện vận tải, điều khiển đèn chiếu sáng công cộng) được sử dụng rộng rãi tại nhiều thành phố. Top 40 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
2016	Hoàn thành dự án quan trọng đường trục truyền dẫn Bắc - Nam cho đối tác chiến lược Mobifone. Chính thức mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sang thị trường châu Mỹ. Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500). Top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam hạng mục Phần mềm, Giải pháp & Dịch vụ CNTT.
2017	Phát triển mảng sản phẩm và giải pháp dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao (EGREEN). Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500). Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500). Top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam 2017.
2019	Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển các công nghệ IoT, AI, Big Data, Cloud và các sản phẩm Made by ELCOM.

## Các hoạt động chính



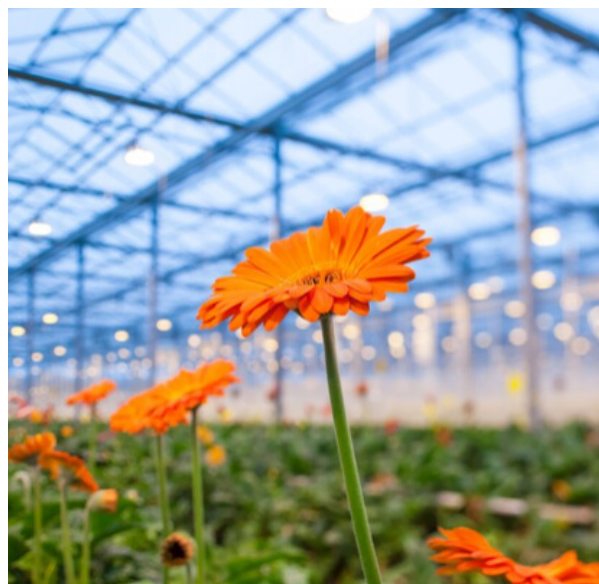
### Công nghệ

Phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trên thế giới về tự động hóa, công nghệ thông tin và truyền thông, phục vụ các ngành viễn thông, giao thông thông minh, an ninh - quốc phòng v.v...



### Dịch vụ & nội dung số

ELCOM phục vụ các nhu cầu đa dạng về dịch vụ đa phương tiện và nội dung số cho người dùng cuối trong nhiều lĩnh vực như bán lẻ, ngân hàng, giáo dục, viễn thông, khách sạn v.v...



### Nông nghiệp công nghệ cao

Phát triển và cung cấp các giải pháp công nghệ thông tin, tự động hóa, công nghệ sinh học, phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng tầm nền nông nghiệp Việt Nam



### Đối tác

## Khách hàng





## Văn hóa doanh nghiệp

Trong bối cảnh kinh tế hội nhập như ngày nay, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp không chỉ ở sản phẩm, doanh thu hay thương hiệu mà còn trong cả Văn hoá. ELCOM hiểu rõ việc phát triển Văn hoá Doanh nghiệp là điều tất yếu, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, ELCOM đã và đang xây dựng một nền văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng, môi trường làm việc cởi mở, chuyên nghiệp, hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài nhằm phát huy các giá trị nội tại hướng đến phát triển các mục tiêu chiến lược của công ty, tạo lòng tin với khách hàng, tạo sự khác biệt trên thị trường.



Văn hóa Doanh nghiệp tại ELCOM luôn được quan tâm phát triển, bám sát các giá trị cốt lõi của Công ty được gói gọn trong 4 chữ "TINH – TÂM -TRÍ – TÍN". ELCOM định hướng cho mọi thành viên phải giữ gìn và phát huy những giá trị này trong mọi công việc, mọi hoạt động của công ty cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Với sự đầu tư nghiêm túc trong phát triển văn hóa doanh nghiệp, ELCOM đã và đang xây dựng được hình ảnh đẹp về môi trường làm việc năng động, CBNV có đời sống tinh thần phong phú với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên, thông tin nội bộ cởi mở và thông suốt, việc đào tạo cho thế hệ trẻ và đội ngũ kế cận luôn được ưu tiên v.v... Đặc biệt, ELCOM đã duy trì thực hiện các hoạt động thiện nguyện xã hội từ nhiều năm qua với những chương trình thiết thực, có giá trị và ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

### Hoạt động thiện nguyện năm 2019

- Quyên góp sách giáo khoa tặng trẻ em nghèo
- Tặng tông-đơ cho chiến sĩ Trường Sa
- Tham gia Giải chạy UPSPACE gây quỹ vì cộng đồng







## Ban Lãnh đạo

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Nguyễn Mạnh Hùng**  
Thành viên HĐQT



**Trần Hùng Giang**  
Thành viên HĐQT



**Ngô Ngọc Hà**  
Thành viên HĐQT



**Phan Chiến Thắng**  
Chủ tịch HĐQT



**Nguyễn Đức Thiện**  
Thành viên HĐQT



**Nguyễn Mạnh Hải**  
Thành viên HĐQT



**Nguyễn Trung Kiên**  
Thành viên HĐQT  
từ ngày 25/4/2019

(Ông Nguyễn Khắc Hải - Thành viên HĐQT - đã miễn nhiệm kể từ ngày 25/4/2019)

### BAN ĐIỀU HÀNH



**Phan Chiến Thắng**  
Tổng Giám đốc



**Phạm Minh Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc



**Ngô Ngọc Hà**  
Phó Tổng Giám đốc



**Đặng Thị Thanh Minh**  
Kế toán trưởng

### BAN KIỂM SOÁT



**Ngô Kiều Anh**  
Trưởng ban

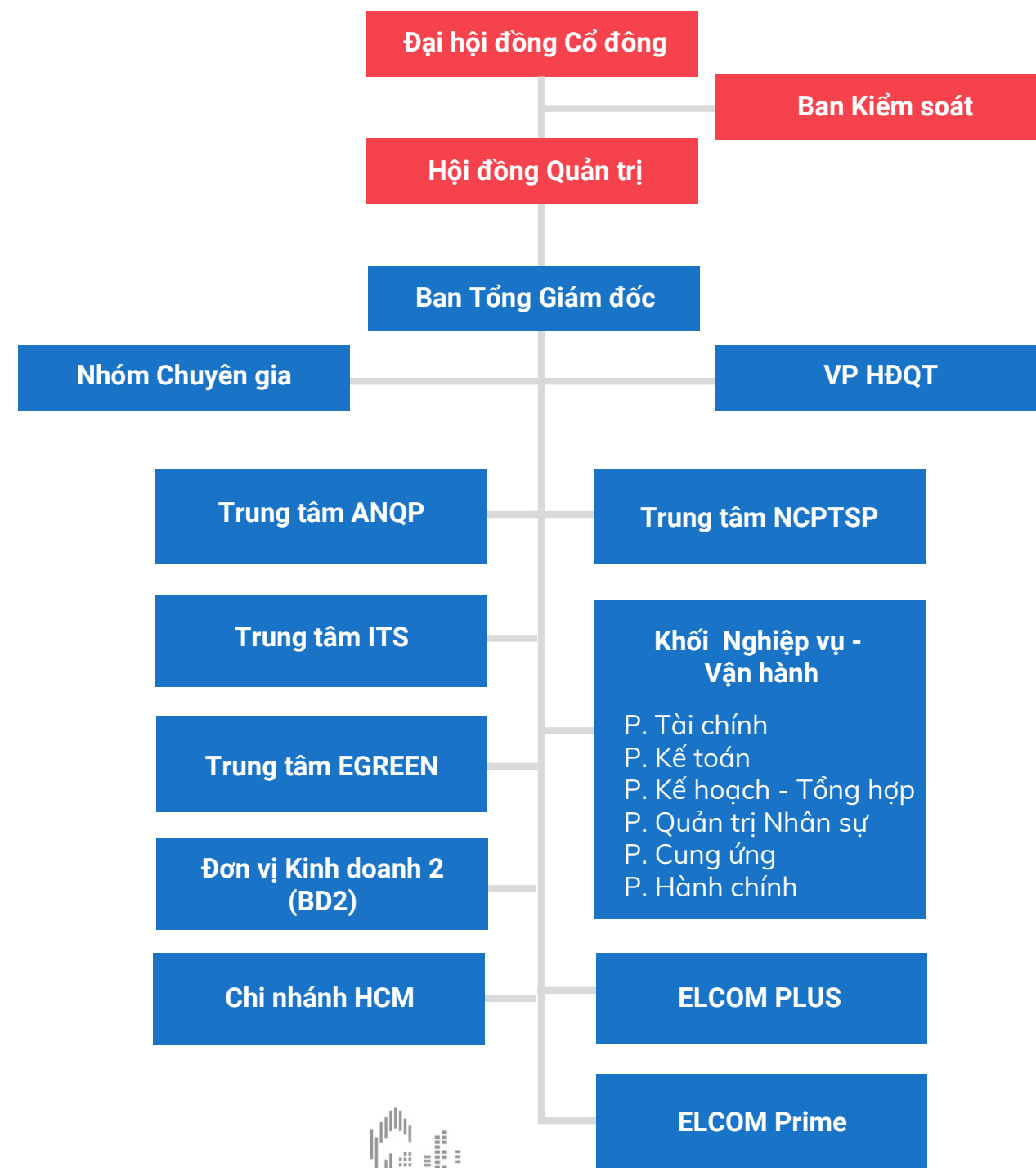


**Vũ Thị Ngân Hà**  
Thành viên



**Hoàng T. Phương Thúy**  
Thành viên

## Cơ cấu tổ chức ELCOM CORP.





## 1. Những thay đổi về nhận thức đối với công tác quản trị

Năm 2019, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực đã có tác động đến nhận thức của Ban lãnh đạo Công ty về các vấn đề sau trong công tác quản trị Công ty:

- Để nâng cao hiệu quả kinh doanh, năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế cần thiết phải bắt kịp xu hướng áp dụng nền tảng kiểm soát kết hợp với quản trị (hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - hệ thống giải pháp ERP). Theo đó, mọi hoạt động của Công ty, từ quản trị nguồn nhân lực, quản lý dây chuyền sản xuất và cung ứng vật tư, quản lý tài chính, đến việc bán hàng, tiếp thị sản phẩm, trao đổi với đối tác, gắn kết khách hàng v.v... đều được thực hiện trên một hệ thống duy nhất. Hệ thống này là công cụ hỗ trợ trong việc lên kế hoạch cho các nội dung công việc, nghiệp vụ cần thiết trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, ERP tạo ra mối liên kết văn phòng công ty – đơn vị thành viên, phòng ban – phòng ban và trong nội bộ các phòng ban, hình thành nên các quy trình xử lý nghiệp vụ mà mọi nhân viên trong công ty phải tuân theo, tăng cường kiểm tra chéo, giúp giảm thiểu sai sót trong các xử lý nghiệp vụ.
- Với rất nhiều thông tin nằm trong hệ thống doanh nghiệp, quá trình quản lý dữ liệu có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi hoạt động của Công ty vượt xa phạm vi bảo mật thông tin và công nghệ. Dữ liệu và phân tích dữ liệu có khả năng đem đến những lựa chọn mới trong lĩnh vực kinh doanh, bao gồm các hình thái mới của marketing, sản xuất, nghiên cứu, phát triển, đồng nghĩa đem đến những dòng doanh thu lớn. “Big data” mang đến những cơ hội lớn, nhưng cũng đồng thời mang đến những trách nhiệm lớn đối với cá nhân và Công ty. Sự bảo mật và nguyên vẹn của dữ liệu cần được xem xét xuyên suốt ngay trong quá trình hoạt động của Công ty, từ khi nghiên cứu phát triển đến tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới.
- Quản trị không chỉ là chính sách và quy trình, mà còn là đưa ra các quyết định, thiết lập mục tiêu và giám sát quá trình thực hiện, là các mối quan hệ công việc, động viên, khích lệ, yêu cầu tuân thủ và cả cách trao thưởng. Các quy định, chính sách thay đổi, các yêu cầu về niềm yết, minh bạch thông tin, yêu cầu của các nhà đầu tư cũng thay đổi, nhu cầu của khách hàng thay đổi... do đó, công tác quản trị cũng đòi hỏi phải thiết lập và thay đổi hàng ngày. Tuy nhiên, để đo lường hiệu quả công tác quản trị của Công ty thật không dễ, bởi khó để Ban lãnh đạo Công ty khách quan khi đánh giá về tổ chức do chính mình quản lý điều hành.
- Nghị định 05/2019/NĐ-CP quy định cụ thể về công tác kiểm toán nội bộ được coi là một bước tiến lớn về quản trị công ty, hướng tới mục tiêu đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư và tính minh bạch của thị trường, cũng như chuyển đổi mô hình quản trị công ty tiệm cận với thông lệ quốc tế. Ban Lãnh đạo Công ty đã sớm nhận thấy những lợi ích của công tác kiểm toán nội bộ mang lại với vai trò rà soát và đánh giá độc lập đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị Công ty.

## 2. Những áp dụng thực tiễn trong công tác quản trị rủi ro 2019

Từ những nhận thức trên, Ban Lãnh đạo đã có những điều chỉnh về công tác quản trị rủi ro của Công ty năm 2019:

- Cơ cấu lại bộ máy theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, tinh giản đội ngũ CBNV nhằm loại bỏ sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và phân rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, từng vị trí công việc...
- Thay đổi cách thức kiểm soát để có thể nắm được tình hình hoạt động của Công ty hàng ngày, từ khâu đầu vào đến khi sản phẩm ra thị trường, các sự cố (nếu có) phải được phát hiện, giải quyết kịp thời mọi lúc, mọi nơi. Ví dụ xây dựng phần mềm quản lý thực hiện hợp đồng để kiểm soát được Hợp đồng từ khi thiết lập đến triển khai và hoàn thành, kiểm soát chi phí kịp thời khi phát sinh; Cải tiến quy trình ứng cứu sự cố trong quá trình triển khai và vận hành.
- Đào tạo phương pháp quản lý, quản trị theo mục tiêu công việc cho các cấp quản lý, các vị trí chủ chốt trong Công ty. Đồng thời nâng cao trình độ công nghệ của đội ngũ quản lý và nhân viên để đáp ứng các thay đổi và yêu cầu cần thiết khi sử dụng nền tảng kiểm soát kết hợp với quản trị.
- Phân rõ trách nhiệm của 3 tầng phòng vệ: trong đó trách nhiệm nặng nề của các vị trí quản lý là cung cấp cho Ban lãnh đạo một bức tranh rõ ràng cụ thể về các rủi ro có thể gây tổn hại đến tổ chức cũng như các rủi ro có thể mang đến cơ hội, đồng thời đề xuất các biện pháp ứng phó. Ban lãnh đạo nắm bắt thông tin, định hướng và đảm bảo khách quan đối với các thông tin tiếp nhận. Các Bộ phận có vai trò kiểm soát rủi ro phạm vi Công ty như Kiểm soát tài chính, Quản lý chất lượng, Pháp chế thực hiện đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của tuyến đầu, đồng thời xây dựng và áp dụng các quy trình quản trị trong Công ty. Kiểm soát nội bộ / kiểm toán nội bộ xem xét các vấn đề và cung cấp cho Ban lãnh đạo góc nhìn độc lập về hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp.
- Song song với chủ trương tạo tính linh hoạt cho các bộ phận chủ động triển khai công việc, nắm bắt kịp thời cơ hội, thì cần thiết phải chuẩn bị nguồn lực để tăng cường công tác hậu kiểm nhằm đánh giá hiệu quả, tuân thủ của các bộ phận này ở góc độ độc lập, khách quan. Từ đó đặt ra yêu cầu đối với Ban lãnh đạo Công ty về xem xét thiết lập công tác kiểm toán nội bộ, cũng như việc xây dựng và vận hành bộ phận kiểm toán nội bộ sao cho hiệu quả, đáp ứng theo yêu cầu mới của công tác quản trị Công ty trong thời gian tới.

## Nhận diện và phòng ngừa rủi ro

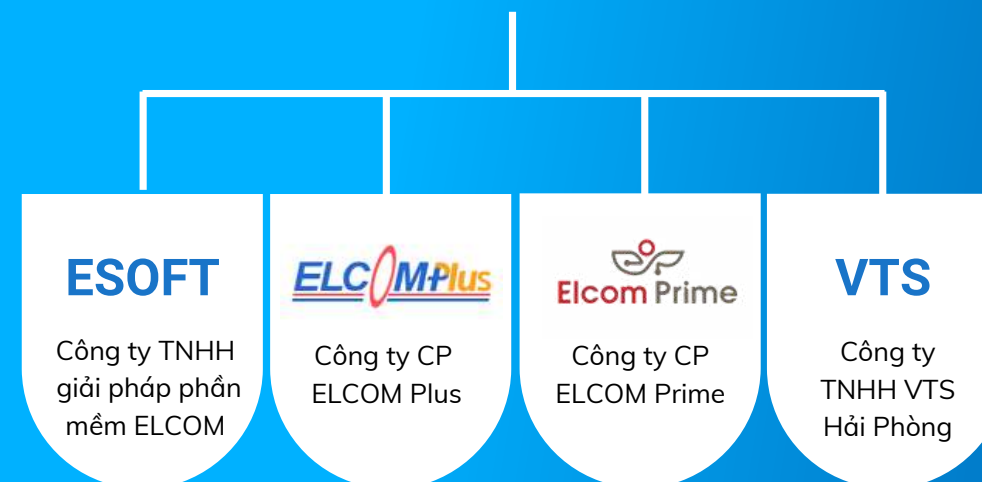
Không nằm ngoài xu thế chung của các doanh nghiệp trên toàn cầu, Ban lãnh đạo Công ty cũng đã nhận diện được các rủi ro phải đối mặt hiện tại và trong thời gian tới, bao gồm:

Loại rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản lý
<b>Rủi ro an ninh mạng</b>	Sự phát triển của các cuộc tấn công mạng gây tác động lớn đến hoạt động và danh tiếng của tổ chức, có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng về tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm soát các phần mềm được cài đặt; cập nhật các phiên bản phần mềm và các bản vá lỗi trên thiết bị</li> <li>Cài đặt tính năng mã hóa dữ liệu; mã khóa bí mật bảo vệ; phần mềm phòng chống mã độc và các lỗi bảo mật khác.</li> <li>Thiết lập chức năng vô hiệu hóa, khóa thiết bị hoặc xóa dữ liệu từ xa trong trường hợp thất lạc hoặc bị mất cắp.</li> </ul>
<b>Bảo mật dữ liệu</b>	Vấn đề về bảo mật dữ liệu được yêu cầu ngày càng cao từ các nhà đầu tư và công chúng, đòi hỏi sự tăng cường kiểm soát và bảo mật đối với dữ liệu của cá nhân, Công ty, khách hàng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện biện pháp bảo vệ đối với dữ liệu nhạy cảm chứa trong vật mang tin.</li> <li>Thực hiện các biện pháp mã hóa để đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình trao đổi, lưu trữ.</li> <li>Quy định trách nhiệm của cá nhân trong quản lý, sử dụng vật mang tin.</li> <li>Yêu cầu người lao động phải cam kết bảo mật thông tin bằng văn bản riêng hoặc cam kết trong hợp đồng lao động. Cam kết này phải bao gồm các điều khoản về trách nhiệm đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong và sau khi làm việc tại Công ty.</li> </ul>
<b>Rủi ro về pháp lý, chính sách</b>	Sự thay đổi về chính sách, pháp luật hoặc không hiểu rõ về chính sách, pháp luật ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu của tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh thực hiện những việc luật cấm; tự đánh giá khả năng đáp ứng đúng và đầy đủ các điều kiện trước khi làm những việc luật cho phép.</li> <li>Truyền thông, đào tạo cho CBNV về các quy trình, quy định mới/sửa đổi của Công ty và của pháp luật.</li> <li>Mua dịch vụ cung cấp hỗ trợ pháp lý từ các công ty luật/chuyên gia.</li> </ul>
<b>Rủi ro tài chính</b>	Rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá, lãi suất, nợ xấu... làm tăng chi phí sử dụng vốn. Rủi ro tài chính theo chiều hướng xấu sẽ kéo theo sự sụt giảm dòng tiền mà Công ty nhận được trong tương lai, làm giảm năng lực cạnh tranh, từ đó dẫn tới sự sụt giảm của giá trị doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản trị dòng tiền tốt để ngăn ngừa rủi ro thanh khoản, có kế hoạch dòng tiền ngắn hạn và dài hạn để hạn chế tiền vốn ứ đọng ở các khoản phải thu hoặc hàng tồn kho.</li> <li>Xây dựng, rà soát, hiệu chỉnh các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tiền, hàng, tài sản, vật tư..., bịt kín các lỗ hổng trong các giao dịch, thu, chi, xuất nhập hàng hóa.</li> </ul>

<b>Rủi ro từ bên thứ ba</b>	Sự gia tăng phụ thuộc vào bên thứ 3 về cung ứng dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực IT dẫn đến rò rỉ thông tin mật, khó kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá các nhà cung cấp, đối tác, khách hàng trước khi tiến hành đàm phán, thỏa thuận.</li> <li>Tăng cường giám sát chặt chẽ hợp đồng với bên thứ ba và phê duyệt các bước thực hiện.</li> </ul>
<b>Quản lý nguồn nhân lực</b>	<p>Ứng dụng công nghệ tạo ra sự thay đổi về năng lực cạnh tranh và cấu trúc lực lượng lao động;</p> <p>Sự cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ tạo áp lực cho công tác tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chủ động “đặt hàng” cơ sở đào tạo trong một bối cảnh, thời gian nhất định để khai thông “điểm nghẽn” về nhân lực khi có nhu cầu.</li> <li>Áp dụng phần mềm quản lý nhân sự, để dễ dàng hơn trong việc kiểm soát thời gian và hiệu quả làm việc của nhân viên, từ đó có những đánh giá khách quan, chính xác nhất để có chế độ thưởng phạt hiệu quả,</li> <li>Phát triển các chương trình đào tạo các năng lực làm việc mới cho đội ngũ lao động để thay đổi phù hợp với thời đại kỹ nguyên số</li> <li>Bảo đảm đãi ngộ và phúc lợi cho người lao động, tạo môi trường làm việc tốt và có cơ hội, không gian phát triển.</li> </ul>

Trong số các rủi ro chính nêu trên, an ninh mạng, quản lý dữ liệu và công nghệ mới là các rủi ro được đánh giá khi xảy ra có thể gây tổn hại nghiêm trọng, đòi hỏi sẵn sàng biện pháp ứng phó phòng ngừa, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và giảm thiểu tổn thất.

## Các công ty con ELCOM CORPORATION



\* Thông tin chi tiết về các Công ty con nêu tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

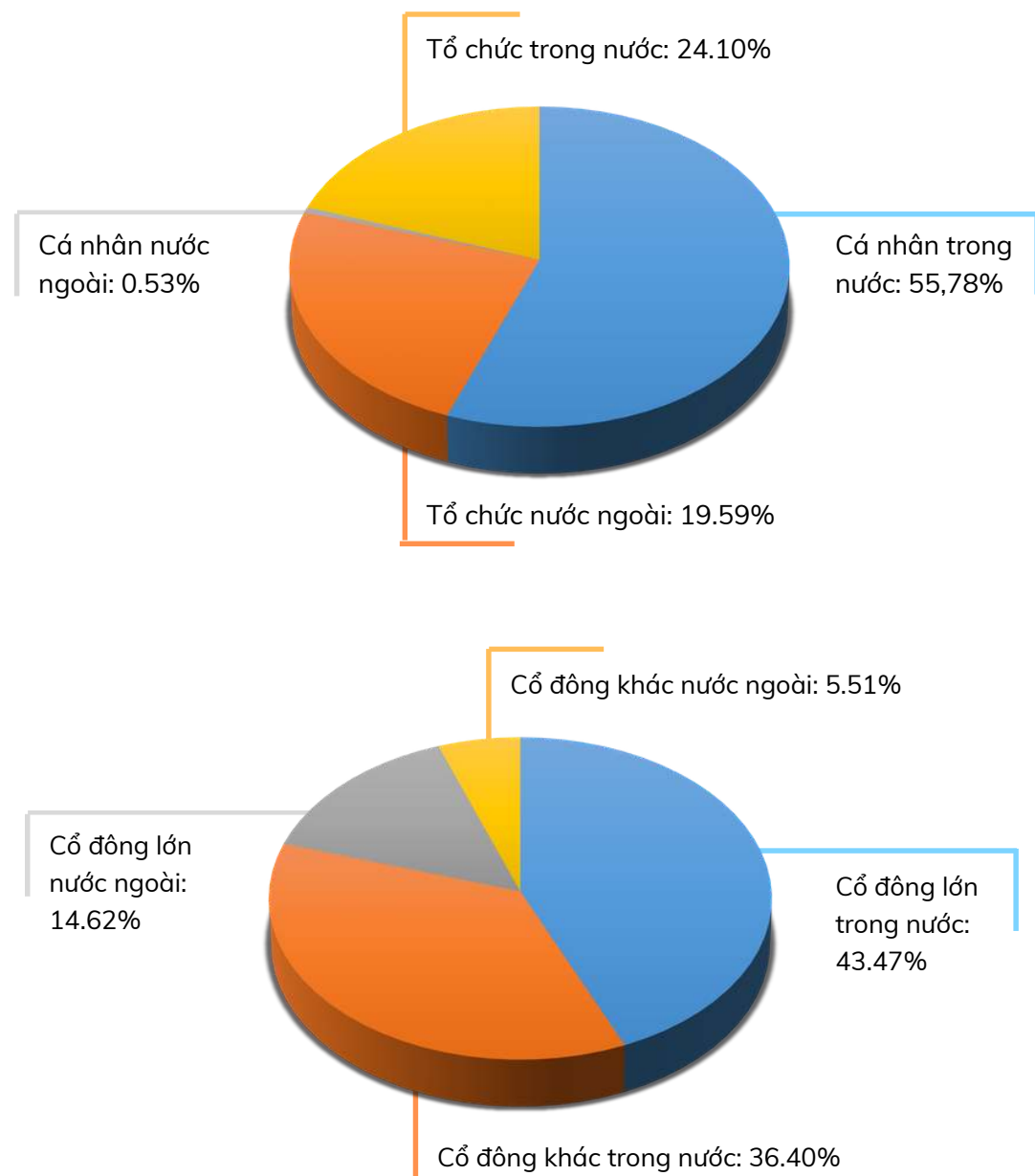


# Dữ liệu thống kê về cổ đông

## 1. Thông tin chung về cổ phiếu ELC

- Số lượng cổ phiếu phổ thông tại thời điểm 31/12/2019: 50.928.243
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2019: 50.618.648
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2019: 309.595

## 2. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2019) theo tỷ lệ sở hữu



## 3. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Đức Nghĩa	Em trai của TV HĐQT Nguyễn Đức Thiện	552.152	1,08%	182.152	0,36%	Bán
2	Phùng Thị Thịnh	Mẹ của TV HĐQT Nguyễn Mạnh Hải	180.513	0,35%	153.373	0,30%	Bán
3	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Vợ của TV HĐQT Nguyễn Mạnh Hải	475.501	0,93%	445.651	0,88%	Bán

STT	Tên cổ đông	Chức danh/Quan hệ với Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	8.846.641	17,37
2	SAMARANG UCITS – SAMARANG ASIAN PROSPERITY	Cổ đông lớn	4.073.822	8,00
3	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	3.374.757	6,63
4	Công ty TNHH Đầu tư DT&T	Cổ đông lớn	3.105.514	6,10
5	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.227.306	8,30
6	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	2.988.437	5,87
7	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	2.967.515	5,83
8	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.432.130	4,78
9	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	1.220.653	2,40
10	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		
11	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT		
12	Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	223.957	0,44
13	Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	1.581	0,003
14	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	6.643	0,01
15	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	49.251	0,10
16	Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	115.367	0,23

## PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

“

ELCOM quyết tâm khẳng định vị trí là công ty công nghệ đi đầu về các xu hướng IOT, AI, Big Data, Cloud (IABC) tại Việt Nam, đầu tư mạnh vào con người, vào phát triển những sản phẩm “Made by ELCOM”.

”

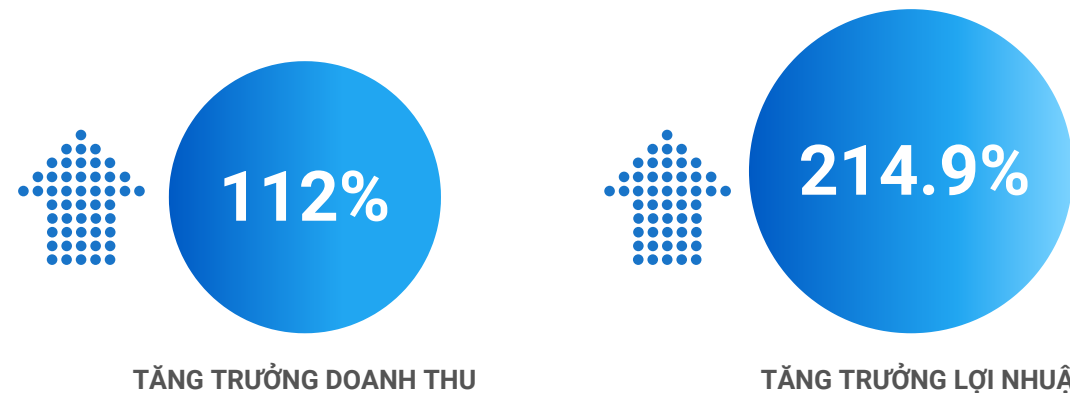


# Tình hình hoạt động kinh doanh

## 1. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2019

Sau giai đoạn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018, đến năm 2019, cùng với những nỗ lực định hướng lại chiến lược kinh doanh giai đoạn 2019 – 2020 và quyết tâm triển khai mạnh mẽ từ các hành động chiến lược tới các hoạt động sản xuất kinh doanh, R&D và quản trị cụ thể, ELCOM đã đạt được những bước chuyển biến tích cực và tăng trưởng rõ nét trong năm 2019.

- Tổng doanh thu hợp nhất thực hiện 2019 đạt 874 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch 2019 24,9%, tăng trưởng 112% so với năm 2018.
- Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất thực hiện năm 2019 đạt 30,7 tỷ đồng, hoàn thành 85,3% so với kế hoạch, tăng trưởng 214,9% so với năm 2018



Chuyển biến tích cực trong kết quả kinh doanh năm 2019 trên đến từ sự tăng trưởng mạnh của các mảng kinh doanh chính, trọng tâm của Công ty như An ninh - Quốc phòng, Giao thông thông minh, và Nông nghiệp công nghệ cao.

### Mảng An ninh - Quốc phòng

Mảng An ninh - Quốc phòng vẫn luôn là mảng duy trì được kết quả và sự đóng góp ổn định trong cơ cấu kinh doanh của Công ty qua các năm. Hơn thế, trong năm 2019, Mảng An ninh - Quốc phòng đã có những kết quả vượt trội, tăng trưởng rất cao so với năm trước và trở thành mảng có kết quả kinh doanh đóng góp lớn nhất trong kết quả chung của Công ty. Để có được những kết quả vượt trội như trên, ngoài các Dự án trọng điểm cung cấp các giải pháp sản phẩm chiến lược về CNTT và an toàn - an ninh thông tin của Công ty cho các khách hàng trọng tâm đã được đẩy mạnh triển khai trong năm; các công nghệ, sản phẩm mà ELCOM đã nghiên cứu, thử nghiệm cho lĩnh vực an ninh - quốc phòng đã mang lại những kết quả tích cực, giải pháp sản phẩm đã được đóng gói, trở thành những giải pháp sản phẩm tiên phong, đi đầu và được nhiều đơn vị khách hàng trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng đánh giá rất cao và đặt hàng, triển khai rộng rãi. Tiêu biểu trong đó là giải pháp sản phẩm VSAT, truyền dẫn DWDM v.v.... Trong năm 2020, các giải pháp sản phẩm trọng tâm này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh triển khai tới các khách hàng khác ở trong nước và một số giải pháp sản phẩm được định hướng xuất khẩu theo chiến lược phát triển giải pháp sản phẩm của Công ty.

### Mảng Giao thông thông minh

Mảng Giao thông thông minh của ELCOM trong giai đoạn 2017 – 2019 do chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan tới từ việc giảm sút vốn đầu tư, các dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải bị kéo dài... nên đã có những bước chững lại đáng kể. Tuy nhiên, với việc đánh giá nhu cầu, tiềm năng thị trường còn rất lớn nên trong những năm đó ELCOM đã tập trung hoàn thiện sản phẩm, ứng dụng nền tảng công nghệ mới như AI, Big Data... vào giải pháp sản phẩm để nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh. Cùng với đó là việc định hướng lại chiến lược kinh doanh, thay đổi phương thức thực hiện cho mảng Giao thông thông minh. Kết quả là năm 2019 đã thực sự cho thấy những đầu tư và thay đổi đã mang lại những hiệu quả rõ nét cho mảng này.

Minh chứng là kết quả kinh doanh năm 2019 tăng trưởng mạnh so với năm 2018 ở tất cả các chỉ tiêu từ ký kết hợp đồng tới ghi nhận doanh thu, lợi nhuận. Tỷ trọng đóng góp của mảng trong kết quả kinh doanh chung được cải thiện và trở thành mảng thứ 2 đóng góp lớn trong cơ cấu doanh thu. Các giải pháp sản phẩm chiến lược của mảng như ETC, WIM, Giám sát xử phạt, Giám sát an ninh an toàn v.v.... đã được đẩy mạnh triển khai hàng loạt với số dự án triển khai tăng cao, trải dài ở nhiều tỉnh, thành từ Bắc vào Nam như Bắc Ninh, Ninh Bình, Bình Dương, Bình Phước v.v.... Trong năm 2020, tiếp đà các dự án của 2019, ELCOM sẽ tiếp tục tập trung triển khai các dự án ETC đang được ưu tiên hàng đầu phải hoàn thành trong năm 2020 theo yêu cầu của Chính phủ đối với các trạm thu phí trên toàn quốc. Bên cạnh đó, các giải pháp sản phẩm chiến lược cho giai đoạn tiếp theo trong lộ trình phát triển sản phẩm cho mảng Giao thông thông minh của Công ty cũng sẽ được thúc đẩy kinh doanh sau thời gian hoàn thiện sản phẩm, demo thử nghiệm và đặt những nền móng đầu tiên như Giám sát xử phạt, Giám sát an ninh an toàn, ITS nội đô, ITS cao tốc v.v...



### Mảng Viễn thông

Mảng Viễn thông là mảng truyền thống đã mang lại kết quả kinh doanh lớn cho công ty trong giai đoạn trước. Tuy nhiên những năm gần đây hoạt động kinh doanh của mảng có những bước chững lại, sụt giảm đáng kể do những khó khăn khách quan từ phía thị trường, khách hàng khiến cho những dự án lớn, trọng điểm đã và đang cùng xây dựng không triển khai theo được kế hoạch. Năm 2019 cũng là một năm chưa thành công của mảng khi mà những khó khăn từ phía các khách hàng trọng tâm của mảng vẫn chưa xử lý dứt điểm. Mảng Viễn thông vẫn duy trì được việc triển khai một số giải pháp sản phẩm truyền thống như hệ thống SMPP GW, hệ thống CRBT, hệ thống MCA... và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ cao trong năm 2019 cho thị trường trong nước và xuất khẩu các nước trong khu vực. Tuy nhiên các dự án trọng điểm thì vẫn tiếp tục bị đình trệ ảnh hưởng lớn tới kế hoạch kinh doanh của mảng, khiến cho các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đạt thấp so với kế hoạch. Trong năm 2020 và các năm tới, từ các dấu hiệu đầu năm cho thấy tình hình thị trường và khách hàng bắt đầu được ổn định dần, nhu cầu đầu tư của khách hàng để phát triển kinh doanh sau thời



gian bị đình trệ sẽ tăng cao hơn. Cùng với đó những định hướng chiến lược công ty cho mảng Viễn thông sẽ được thay đổi rõ nét, và triển khai thực hiện quyết liệt để củng cố lại thị trường, khách hàng, phát triển giải pháp sản phẩm chiến lược,...nhằm lấy lại vị thế và đóng góp của mảng truyền thống trong kết quả kinh doanh của mảng và chung của công ty.

### Mảng Nông nghiệp công nghệ cao

Mảng Nông nghiệp công nghệ cao là mảng mới so với các mảng truyền thống như Viễn thông, Giao thông hay An ninh quốc phòng. Sau giai đoạn đầu tư vào sản phẩm giải pháp, thử nghiệm và xâm nhập thị trường, đến năm 2018 các hoạt động kinh doanh bắt đầu triển khai diện rộng và đến năm 2019 là năm đẩy mạnh bán hàng. Do vậy kết quả kinh doanh 2019 đã phản ánh được những gia tăng cho giai đoạn đẩy mạnh bán hàng so với năm 2018 khi doanh thu đã đạt được tăng trưởng gấp 4 lần. Mảng đã mở rộng các khách hàng lớn; ngoài các khách hàng nền tảng từ giai đoạn đầu như PAN Group, Vineco, Đà Lạt Gap... đến nay giải pháp sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao của ELCOM đã được tin tưởng triển khai tới các tập đoàn, công ty lớn như FLC, Thaco, Nafood, YSA ORCHID, N.G. Việt Nam Seafood... ở nhiều tỉnh/thành cho cả mảng Green house trồng trọt và Green house chăn nuôi.



Giải pháp sản phẩm của ELCOM được đánh giá là một trong những đơn vị top đầu trong lĩnh vực, trong đó, giải pháp Green house cho nuôi tôm đang được đánh giá là giải pháp sản phẩm tiên phong đi đầu trong phân khúc này ở Việt Nam. Bên cạnh đẩy mạnh kinh doanh mảng Green house, Công ty tiếp tục có những định hướng mới cho các mảng hợp tác đầu tư trong mảng Nông nghiệp công nghệ cao với các đối tác lớn như Hàn Quốc, Nhật Bản; tiếp tục đầu tư nghiên cứu các giải pháp sản phẩm mới ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp nói riêng và giải pháp sản phẩm hướng tới khách hàng B2B nói chung với mục tiêu cho ra một đến hai sản phẩm trong năm 2020 để tạo đà cho phát triển kinh doanh cho giai đoạn sau, từ năm 2021.



### Mảng Nội dung số

Các dịch vụ giá trị gia tăng hiện có của mảng Nội dung số công ty vẫn tiếp tục duy trì và giữ được tăng trưởng ổn định trong năm 2019 và mang lại hiệu quả cao. Trong năm 2019, theo định hướng chiến lược tập trung cho phát triển sản phẩm giải pháp của ELCOM trên nền tảng ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, các sản phẩm của mảng Nội dung số đã tiếp tục được đầu tư sâu, thử nghiệm rộng rãi để đưa ra thị trường các sản phẩm dịch vụ mới, tạo tiền đề cho sự phát triển của mảng này trong những năm tiếp theo. Từ năm 2020, ELCOM sẽ bắt đầu triển khai kinh doanh với các sản phẩm dịch vụ mới này với tiềm năng mang lại kết quả kinh doanh tích cực. Bên cạnh đó, theo định hướng chiến lược của Công ty, năm 2020 mảng Nội dung số sẽ được tập trung tái cấu trúc mạnh mẽ để phát triển theo xu hướng mới và khai thác được tiềm năng lớn của mảng trong giai đoạn sắp tới.





# Tình hình tài chính

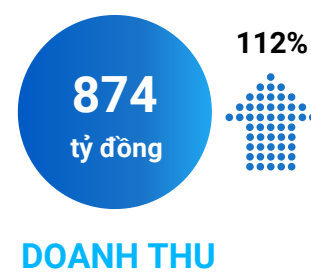
## 1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu chính	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/Giảm (+/-)
1	Tổng giá trị tài sản	1.056.460.841.967	1.413.356.373.192	33,78%
2	Doanh thu thuần	412.289.720.236	874.759.639.628	112,17%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.767.837.047	119.750.300.999	27,71%
4	Lợi nhuận trước thuế	12.471.654.564	39.083.062.116	213,38%
5	Lợi nhuận sau thuế	8.982.712.517	30.711.481.935	241,90%

## 2. Chỉ tiêu về tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu chính	Năm 2018	Năm 2019
1	Khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,55	1,97
	Hệ số thanh toán nhanh	2,79	1,58
	2	Cơ cấu vốn	
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	24,97%	41,73%
	Hệ số nợ/Vốn CSH	33,27%	71,61%
3	Năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	2,27	4,52
	Vòng quay công nợ phải thu	0,90	1,33
	Doanh thu thuần/tổng tài sản	0,39	0,62
4	Khả năng sinh lời		
	Hệ số lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	0,03	0,04
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,02	0,04
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,01	0,04
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,01	0,02

Tăng trưởng rõ nét so với năm 2018 trên tất cả các chỉ tiêu chính





## PHẦN III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo của Ban Kiểm soát

### Báo cáo của Hội đồng Quản trị

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

#### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

##### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu thuần: 874.759.639.628 đồng, hoàn thành vượt 24,9% so với kế hoạch năm 2019 đã đặt ra, tăng trưởng 112% so với năm 2018
- Lợi nhuận trước thuế: 39.083.062.116 đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 30.711.481.935 đồng, hoàn thành 85,3% so với kế hoạch năm 2019 đã đặt ra, tăng trưởng 241,9% so với năm 2018.

(Theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán của Công ty)

Với những số liệu tài chính đã được kiểm toán nêu trên, nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 đã được khôi phục và có những nét khởi sắc so với một vài năm vô cùng khó khăn trước đó, đặc biệt so với năm 2018. Dù rằng kết quả kinh doanh này vẫn còn rất khiêm tốn và chỉ đạt 85% kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông 2019 đã giao nhưng vẫn là động lực để khích lệ toàn thể Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên tiếp tục nỗ lực cố gắng đạt các mục tiêu kinh doanh trong năm 2020, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đang phải hứng chịu “cú sốc” nặng nề gây ra bởi đại dịch Covid-19.

## II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

### 1. Thông tin về thành viên HĐQT, các cuộc họp HĐQT năm 2019

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	9	100%	
2	Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	9	100%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	9	100%	
4	Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	9	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	9	100%	
6	Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	2	22%	Miễn nhiệm ngày 25/4/2019
7	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	7	78%	Trúng cử ngày 25/4/2019
8	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	9	100%	

### 2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

HĐQT đã tiến hành giám sát và có những quyết sách chỉ đạo tình hình kinh doanh của Công ty cũng như hoạt động điều hành của Ban điều hành trong năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2019 để trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Chỉ đạo đốc thúc Ban điều hành tăng cường triển khai các dự án theo đúng tiến độ, phát triển thị trường, khách hàng theo đúng định hướng chiến lược của Công ty.
- Chỉ đạo việc hoàn thành và công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2018 và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018;
- Chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận liên quan triển khai, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu giải pháp công nghệ phục vụ kinh doanh; tinh giảm bộ máy nhân sự phù hợp với quy mô Công ty;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019;

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Các tiểu ban Hội đồng quản trị đã tham gia tư vấn, giám sát, tham mưu cho Hội đồng quản trị theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao.

### 3. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-02/2019/NQ-HĐQT	27/02/2019	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, giao dịch với người có liên quan
2	02-02/2019/NQ-HĐQT	27/02/2019	Thông qua tài sản đảm bảo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
3	01-03/2019/NQ-HĐQT	04/03/2019	Thông qua chấm dứt Văn phòng đại diện tại quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội
4	01-05/2019/NQ-HĐQT	02/05/2019	Thông qua phương án tăng tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam
5	01-06/2019/NQ-HĐQT	27/06/2019	Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
6	02-06/2019/NQ-HĐQT	27/06/2019	Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019
7	01-08/2019/NQ-HĐQT	05/08/2019	Thông qua hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
8	01-09/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Thông qua hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Quân đội
9	02-09/2019/NQ-HĐQT	19/09/2019	Thông qua bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Phạm Minh Thắng nhiệm kỳ 2019 - 2022
10	01-11/2019/NQ-HĐQT	06/11/2019	Thông qua bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
11	02-11/2019/NQ-HĐQT	06/11/2019	Thông qua phương án chuyển nhượng tài sản cố định của Công ty
12	03-11/2019/NQ-HĐQT	14/11/2019	Thông qua hạn mức bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
13	04-11/2019/NQ-HĐQT	14/11/2019	Thông qua bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Ngô Ngọc Hà nhiệm kỳ 2019 - 2022
14	01-12/2019/NQ-HĐQT	03/12/2019	Thông qua hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

### 4. Thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

Việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 như sau:

- Tổng thù lao cho các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm các chức danh điều hành: 240 triệu đồng.
- Thưởng cho các thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh điều hành: Không có.

## I. MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

### 1. Mục tiêu kinh doanh

Hiện nay tình hình đại dịch Covid -19 ngày càng diễn biến phức tạp và ảnh hưởng sâu rộng đến mọi phương diện trong đời sống kinh tế xã hội của đất nước, làm suy giảm đà tăng trưởng của các



doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực kinh tế ở những mức độ khác nhau. Trong bối cảnh khó khăn chung đó, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Elcom phải hứng chịu những tác động tiêu cực từ các yếu tố khách quan do dịch bệnh này gây ra là điều không tránh khỏi và việc định lượng những tác động này đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 còn phụ thuộc vào thời điểm kết thúc dịch bệnh thực tế. Trên cơ sở phân tích và đánh giá tình hình thực tế, Hội đồng quản trị đã vạch ra những mục tiêu chiến lược định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 của Công ty như sau:

#### Mục tiêu công nghệ

Việc duy trì và nâng cao vị thế của một Công ty công nghệ đi đầu trong việc nắm bắt các xu hướng công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm thương mại có tính cạnh tranh cao luôn là một trong những mục tiêu chiến lược của Công ty. Trong năm 2019 trung tâm Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm của Công ty đã hoàn thành mục tiêu tổ chức lại công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm của công ty một cách tập trung và chuyên nghiệp để sản xuất các sản phẩm có hàm lượng giá trị công nghệ cao cung cấp cho các thị trường viễn thông, giao thông, an ninh quốc phòng và nông nghiệp công nghệ cao.

Năm 2020 Công ty tiếp tục thu hút và tập hợp đội ngũ kỹ sư công nghệ trẻ, nhiệt huyết, sáng tạo và nhạy bén trong việc nắm bắt xu hướng của thị trường, khách hàng để đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, giải pháp kỹ thuật có khả năng thương mại hoá, nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường nhằm tạo ra doanh thu và lợi nhuận. Công ty đặt mục tiêu 70% nguồn lực sẽ được dùng để nghiên cứu phát triển các sản phẩm thương mại có khả năng tiêu thụ rộng rãi trên thị trường, 30% nguồn lực được đầu tư tập trung để nghiên cứu các sản phẩm mới, giải pháp công nghệ mới theo định hướng chiến lược của Công ty.

#### Mục tiêu theo mảng kinh doanh

Công ty tiếp tục định hướng phát triển các hoạt động kinh doanh gắn liền với các lĩnh vực viễn thông, an ninh quốc phòng, giao thông, nông nghiệp công nghệ cao trên cơ sở đánh giá những cơ hội kinh doanh của từng lĩnh vực này để có cách thức khai thác thị trường phù hợp và cung cấp giải pháp kỹ thuật, sản phẩm công nghệ đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng khách hàng cụ thể. Nhìn chung, trong năm 2020 Công ty sẽ tập trung thúc đẩy hơn nữa tốc độ triển khai các dự án, hợp đồng bán hàng của Công ty để nhanh chóng nghiệm thu, thanh quyết toán với khách hàng, không để tồn đọng công nợ từ các dự án, hợp đồng. Các dự án, hợp đồng mới có hiệu quả kinh doanh cao hoặc đang tiến hành dở dang được dồn nguồn lực để hoàn thành, đồng thời giải quyết dứt điểm, đóng lại những dự án, giao dịch kéo dài nhưng không mang lại hiệu quả.

Bên cạnh đó, các dịch vụ giá trị gia tăng hiện có của mảng nội dung số công ty vẫn tiếp tục duy trì và giữ được tăng trưởng ổn định trong năm 2019 và mang lại hiệu quả cao. Trong năm 2019 vừa qua, với định hướng chiến lược tập trung cho phát triển sản phẩm giải pháp của Elcom trên nền tảng ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, các sản phẩm của mảng VAS đã tiếp tục được đầu tư sâu, thử nghiệm rộng rãi để đưa ra thị trường các sản phẩm dịch vụ mới, tạo tiền đề cho sự phát triển của mảng VAS trong những năm tiếp theo. Từ năm 2020, Công ty sẽ bắt đầu triển khai kinh doanh với các sản phẩm dịch vụ mới này nhằm mang lại kết quả kinh doanh tích cực. Theo định hướng chiến lược của Công ty, năm 2020 mảng nội dung số sẽ được tập trung tái cấu trúc mạnh mẽ để phát triển theo xu hướng mới và khai thác được tiềm năng lớn của mảng này trong giai đoạn sắp tới.

#### Mô hình tổ chức - quản trị

Công ty tiếp tục xây dựng mô hình quản trị theo hướng tách biệt vai trò của các cổ đông sáng lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành thay cho mô hình kiêm nhiệm trước đây. Theo định hướng chung này, trong thời gian tới Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty và HĐQT sẽ bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty mới đảm nhận vị trí này thay thế cho ông Phan Chiến Thắng (hiện đang là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty). Việc xây dựng mô hình quản trị theo hướng tách biệt các vai trò sở hữu và quản lý cùng với việc tăng cường trẻ hoá đội ngũ lãnh đạo sẽ giúp tăng tính hiệu quả trong việc kết nối chiến lược công ty với quá trình triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Công ty vẫn tiến hành cải cách quyết liệt đối với bộ máy tổ chức hoạt động và cách thức quản trị nhằm tối ưu hoá các nguồn lực, nâng cao hiệu suất lao động, gia tăng sự phối hợp đồng bộ trong nội bộ doanh nghiệp và tiết kiệm chi phí quản lý. Các chính sách quản lý lao động phù hợp sẽ được ban hành kết hợp với các công cụ giám sát trực tiếp nhằm đánh giá, phân loại lao động để phát triển nguồn lực phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh, gia tăng kỷ luật lao động gắn với tăng tính hiệu quả công việc và tăng thu nhập cho người lao động. Đồng thời, đội ngũ cán bộ kinh doanh và đội ngũ kỹ sư – công nghệ, là xương sống trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được nâng cao về chất lượng và số lượng để đáp ứng các mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### 2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Trong trường hợp đại dịch COVID -19 kết thúc vào tháng 6 năm nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể ổn định trở lại từ tháng 6 và mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh khiến hoạt động kinh doanh của Công ty suy giảm khoảng 20-25%, chủ yếu do các dự án, hợp đồng bán hàng với khách hàng bị chậm triển khai. Tuy nhiên, tùy vào tình hình diễn biến của dịch bệnh trong thời gian tới, Hội đồng quản trị Công ty sẽ đánh giá tình hình thực tế để đưa ra những quyết sách ứng phó nhằm hạn chế tối đa những tác động tiêu cực lên kết quả kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở những mục tiêu và định hướng như trên, HĐQT kính trình ĐHQĐĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020 (tỷ đồng)
Doanh thu thuần	722
Lợi nhuận sau thuế	25

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**



**PHAN CHIẾN THẮNG**

# Báo cáo của Ban Kiểm soát

## TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

### I. Các hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019

1. Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện các công việc theo phân công nhiệm vụ như sau:

- Bà Ngô Kiều Anh – Trưởng Ban Kiểm soát: Phụ trách chung và phụ trách kiểm soát công tác tài chính, kế toán, kiểm toán nội bộ;
- Bà Vũ Ngân Hà – Thành viên Ban Kiểm soát: Phụ trách kiểm soát về pháp chế, tuân thủ, quản trị rủi ro;
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy – Thành viên Ban Kiểm soát: Phụ trách kiểm soát về công tác quản trị điều hành, chính sách, đãi ngộ.

2. Năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành họp và triển khai các công việc với sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát. Các công việc Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch công tác cụ thể của Ban Kiểm soát;
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính bán niên và năm;
- Xem xét các khoản đầu tư vào công ty con, Công ty liên kết, đầu tư khác để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty;
- Kiểm tra định kỳ về hoạt động kinh doanh và BCTC của Công ty 6 tháng/lần và lập biên bản họp BKS, báo cáo HĐQT về kết quả kiểm tra;
- Tham gia góp ý kiến xây dựng quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Cử đại diện tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Pháp luật;
- Kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật, bao gồm nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

### II. Về giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

- Hoạt động của Công ty trong năm 2019 tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:
  - Các giao dịch cổ phiếu ELC của các cổ đông nội bộ, người quản lý và người có liên quan;
  - Các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm theo đúng thời gian gia hạn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
  - Các Báo cáo quản trị công ty 6 tháng và hàng năm theo định kỳ.
  - Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
- Công ty đã chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo đúng phê duyệt của ĐHCĐ tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 25/4/2019.
- Thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019 theo Tờ trình số 02/2019/TT-HĐQT ngày 8/4/2019 đã được ĐHCĐ thông qua.
- Công ty đã thực hiện bổ sung ngành nghề ĐKKD và sửa đổi tương ứng Điều 4 của Điều lệ theo phê duyệt của ĐHCĐ.
- Năm 2019, Công ty chưa thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho người lao động giai đoạn 2018-2020 theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 25/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông do diễn biến thị trường chưa phù hợp.

### III. Về giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2019, HĐQT đã họp (các thành viên tham dự đầy đủ) và thông qua Nghị quyết về các vấn đề:
  - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2019;
  - Thông qua phương án tăng tỷ lệ sở hữu vốn góp tại Công ty CP Máy tính truyền thông Vietcom;
  - Thông qua phương án chuyển nhượng tài sản cố định của Công ty
  - Thông qua chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của Công ty tại quận Tây Hồ, Hà Nội;
  - Thông qua bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Phạm Minh Thắng và Phó Tổng Giám đốc Ngô Ngọc Hà nhiệm kỳ 2019-2022;
  - Thông qua bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Thiện là người phụ trách quản trị Công ty từ ngày 6/11/2019.
  - Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019;
  - Thông qua tài sản đảm bảo và hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng giao dịch

Thế thức và nội dung cuộc họp được thực hiện theo đúng các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- HĐQT đã có những định hướng chiến lược và giám sát hoạt động của Ban điều hành kịp thời.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.



#### IV. Về giám sát hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã chỉ đạo, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT:

- Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019 để HĐQT xem xét trình ĐHCĐ thông qua;
- Triển khai các cuộc họp về kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược của Công ty, tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành và chỉ đạo quản lý trong phạm vi thẩm quyền;
- Tăng cường giám sát, đốc thúc các Dự án triển khai theo đúng tiến độ, phát triển thị trường, khách hàng theo đúng định hướng chiến lược của Công ty;
- Tổ chức nghiên cứu phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ mới phục vụ kinh doanh hiện tại và sẵn sàng cho nhu cầu mới của thị trường, khách hàng;
- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, tinh gọn nhân sự, giảm sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận, đơn vị, làm rõ vai trò, trách nhiệm của các vị trí công việc;
- Đào tạo cho cán bộ quản lý và lớp cán bộ chủ chốt về quản lý mục tiêu công việc, cải tiến quy trình thực hiện, để đáp ứng các yêu cầu liên tục thay đổi của khách hàng, sản phẩm và thị trường;
- Xây dựng và ban hành các chính sách thúc đẩy hoạt động kinh doanh.;
- Tiếp tục cải tiến các phần mềm hỗ trợ để phù hợp với thực tiễn và mục tiêu quản lý công việc;
- Xem xét, quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Điều hành.

#### V. Về giám sát công tác tài chính, kế toán của Công ty

- Năm 2019, theo kế hoạch định kỳ, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra chứng từ, số liệu tài chính để đưa ra ý kiến đánh giá độc lập về hoạt động kinh doanh và công tác quản trị của Công ty. Các ý kiến, kiến nghị được lập thành báo cáo gửi HĐQT và Ban điều hành Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP thực hiện và đưa ra Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp thuận toàn phần. Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 như sau:

##### Về kết quả kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2019 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu thuần	700	874,76	124,9%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	36	30,71	85,31%
3	Tỷ lệ cổ tức	10%		

So với Kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu doanh thu của Công ty vượt kế hoạch 25%, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế còn chưa đạt.

#### Về tài sản của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2019 (tỷ đồng)	Tỷ trọng
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.413,36</b>	<b>100,00%</b>
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.111,58	78,65%
1.2	Tài sản dài hạn	301,78	21,35%
<b>2</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.413,36</b>	<b>100,00%</b>
2.1	Nợ ngắn hạn	562,90	39,83%
2.2	Vay và nợ dài hạn	26,87	1,90%
2.3	Vốn chủ sở hữu	823,59	58,27%
	trong đó: Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	11,21	0,79%

Các chỉ tiêu cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn tốt, cơ cấu vốn và hệ số nợ trong ngưỡng an toàn. Tuy nhiên, nợ phải thu của một số Dự án/Hợp đồng vẫn còn tồn đọng lâu dẫn đến giảm hiệu quả sử dụng vốn.

- Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với quy định của Ủy ban Chứng khoán.
- Ban Kiểm soát về cơ bản nhất trí với ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP về Báo cáo tài chính năm 2019 đã trình bày trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

#### VI. Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

Công ty chi trả thù lao cho Ban Kiểm soát năm 2019 theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ, cụ thể:

- Tổng thù lao chi trả cho các thành viên Ban Kiểm soát năm 2019: 132 triệu đồng, trong đó Trưởng BKS 5 triệu đồng/tháng, thành viên BKS 3 triệu đồng/tháng.
- Các chi phí khác: Chi đào tạo cập nhật kiến thức cho Ban Kiểm soát (3 triệu đồng).

#### VII. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

Ban Kiểm soát cũng đưa ý kiến đóng góp về hệ thống kiểm soát, quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp.

## VIII. Kiến nghị và kết luận

Năm 2019, các hoạt động của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Công ty cần tích cực đốc thúc thu hồi các khoản nợ phải thu còn tồn đọng của các Hợp đồng/Dự án đã triển khai để phòng ngừa khả năng không thu hồi được do nguy cơ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay

Ban Điều hành xem xét đề nghị các bên nhận góp vốn cập nhật tình hình đầu tư, kinh doanh hoặc kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới để kiểm soát việc sử dụng vốn hoặc có phương án xử lý khoản đầu tư phù hợp.

Ban Điều hành cần tập trung hơn về công tác báo cáo quản lý tình hình kinh doanh, tài chính định kỳ tháng, quý cho HĐQT theo Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành 2018, để phục vụ tốt hơn cho công tác kiểm soát và nắm bắt kịp thời tình hình SXKD của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2019 của Công ty, kính trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty,
- HĐQT Công ty,
- Các thành viên BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng ban**



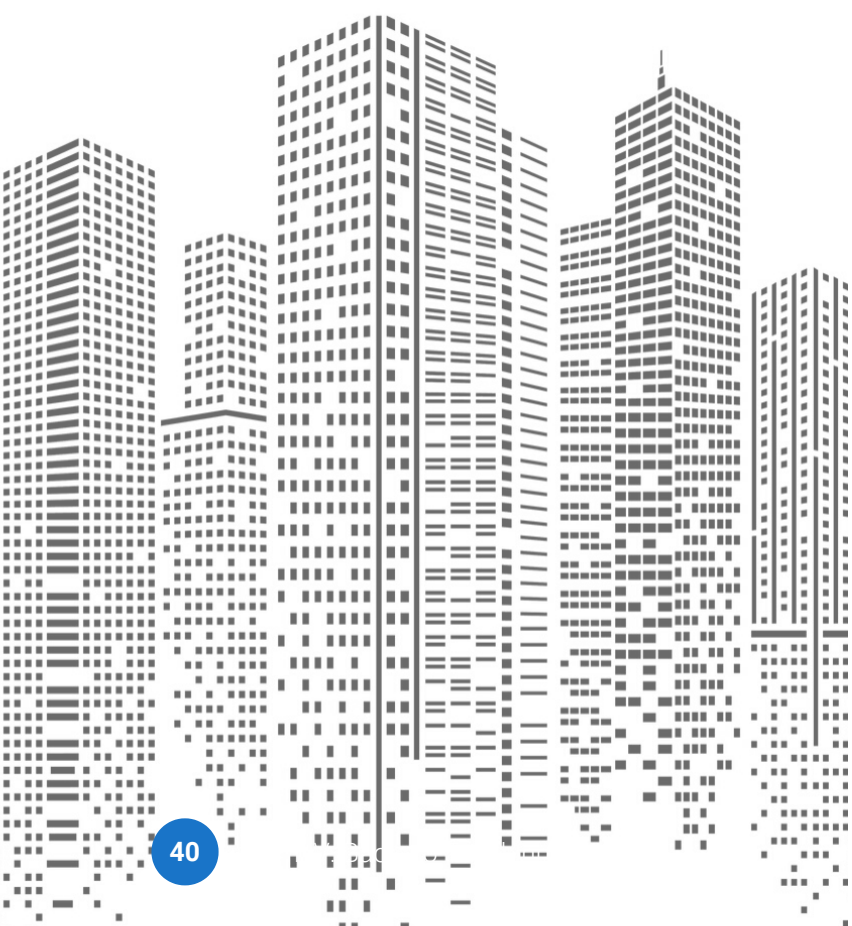
**Ngô Kiều Anh**

# PHẦN IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2019

ĐÃ KIỂM TOÁN





# Mục lục

## Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2019 - đã kiểm toán

<b>43</b>	<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>
<b>46</b>	<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>
<b>48</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>
48	Bảng Cân đối kế toán hợp nhất
52	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
53	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
55	Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
<b>81</b>	<b>CÁC PHỤ LỤC</b>
82	Phụ lục 01. Các khoản đầu tư tài chính
84	Phụ lục 02. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình
86	Phụ lục 03. Vay và nợ thuê tài chính
88	Phụ lục 04. Vốn chủ sở hữu
90	Phụ lục 5. Báo cáo bộ phận

## Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 21 vào ngày 02 tháng 04 năm 2018.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được giao dịch tại sàn HOSE

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

● Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch	
● Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	
● Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	
● Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên	
● Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên	
● Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/4/2019
● Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/4/2019

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

● Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
● Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên
● Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

● Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban Kiểm soát
● Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
● Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

## Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Chiến Thắng



# Báo cáo Kiểm toán độc lập

## Về Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông

**Kính gửi:**

- Quý Cổ đông
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông được lập ngày 28 tháng 03 năm 2020 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Chi Thành**  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán: 0647-2018-133-1

**Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2020**  
**Kiểm toán viên**

**Lê Phương Anh**  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán : 0739.-2018-133-1

# Báo cáo Tài chính hợp nhất 2019 đã được kiểm toán

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.111.580.805.021</b>	<b>776.004.275.170</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>101</b>	V.01	<b>43.233.704.656</b>	<b>105.654.744.462</b>
1. Tiền	111		34.274.492.095	56.354.744.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.959.212.561	49.300.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02a	<b>12.912.295.740</b>	<b>40.407.295.740</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.257.295.740	14.257.295.740
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.655.000.000	26.150.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>833.716.099.894</b>	<b>462.013.134.724</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.04a	701.026.066.617	309.996.645.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.05	99.644.618.414	113.490.599.155
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	23.142.000.000	16.100.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.06a	35.539.198.169	47.468.913.987
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.07	(25.635.783.306)	(25.043.023.801)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.08	<b>220.602.838.433</b>	<b>166.454.354.718</b>
1. Hàng tồn kho	141		220.602.838.433	166.454.354.718
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.115.866.298</b>	<b>1.474.745.526</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	294.664.205	749.070.763
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		821.202.093	725.674.763
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>301.775.568.171</b>	<b>280.456.566.797</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>181.700.000</b>	<b>17.002.779.544</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.04b		16.808.672.044
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.06b	181.700.000	194.107.500

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 ( tiếp)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.023.827.337</b>	<b>92.425.900.245</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	77.598.222.955	87.419.026.296
- Nguyên giá	222		189.679.783.791	181.283.227.852
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(112.081.560.836)	(93.864.201.556)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.425.604.382	5.006.873.949
- Nguyên giá	228		7.833.342.257	12.655.413.676
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(4.407.737.875)	(7.648.539.727)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>2.439.124.331</b>	
- Nguyên giá	231		2.439.124.331	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	231			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>341.791.885</b>	<b>1.951.033.026</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	341.791.885	1.951.033.026
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.02b	<b>214.300.712.759</b>	<b>164.639.495.697</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		97.621.371.027	5.842.543.848
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		123.357.748.457	164.930.248.457
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.678.406.725)	(6.133.296.608)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.488.411.859</b>	<b>4.437.358.285</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	2.987.786.493	3.450.130.478
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		500.625.366	987.227.807
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.413.356.373.192</b>	<b>1.056.460.841.967</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 ( tiếp)  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>589.770.160.871</b>	<b>263.746.604.483</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>562.902.909.447</b>	<b>218.697.716.882</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	435.765.322.425	64.403.885.167
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	55.406.209.481	24.898.908.203
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	7.939.562.166	7.015.471.378
4. Phải trả người lao động	314		6.761.073.067	10.303.721.314
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17a	1.067.458.831	2.557.993.505
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	694.256.833	411.105.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	3.734.698.893	6.744.248.122
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	45.689.365.010	94.417.894.801
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20a	613.885.213	1.615.358.714
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.231.077.528	6.329.130.678
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.867.251.424</b>	<b>45.048.887.601</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	1.528.812.400	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	23.358.025.745	42.685.903.131
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20b	1.980.413.279	2.362.984.470
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 ( tiếp)  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.21	<b>823.586.212.321</b>	<b>792.714.237.484</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>823.586.212.321</b>	<b>792.714.237.484</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		509.282.430.000	509.282.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		88.677.010.000	88.677.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(3.349.334.820)	(3.349.334.820)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.410.255.576	41.410.255.576
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		171.152.698.406	141.081.159.183
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		141.292.024.191	131.744.498.175
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.860.674.215	9.336.661.008
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.213.153.159	10.412.717.545
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>			<b>166.454.354.718</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.413.356.373.192</b>	<b>1.056.460.841.967</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





CHU HỒNG HẠNH

ĐẶNG THỊ THANH MINH

PHAN CHIẾU THĂNG

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	874.779.551.788	412.289.720.236
2. Các khoản giảm trừ	02		19.912.160	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		874.759.639.628	412.289.720.236
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	755.009.338.629	318.521.883.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		119.750.300.999	93.767.837.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.457.738.870	10.203.591.593
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.094.213.099	2.896.428.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.360.730.075	2.015.393.325
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		612.875.944	(10.386.379)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	36.188.376.074	38.320.081.268
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	53.155.263.111	51.069.573.759
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		34.383.063.529	11.674.958.886
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4.949.456.351	1.003.597.698
13. Chi phí khác	32	VI.8	249.457.764	206.902.020
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.699.998.587	796.695.678
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		39.083.062.116	12.471.654.564
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	7.884.977.740	3.418.020.633
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		486.602.441	70.921.414
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.711.481.935	8.982.712.517
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		29.860.674.215	9.336.661.008
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		850.807.720	(353.948.491)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	590	184

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

CHU HỒNG HẠNH

Kế toán trưởng

ĐẶNG THỊ THANH MINH

Tổng Giám đốc

PHAN CHIẾN THẮNG

ELCOM CORPORATION

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2019

Theo phương pháp gián tiếp

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>39.083.062.116</b>	<b>12.471.654.564</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>01</b>	<b>19.875.272.100</b>	7.597.549.855
+ Khấu hao tài sản cố định	02	24.384.715.542	26.338.700.645
+ Các khoản dự phòng	03	(246.175.070)	(10.346.562.384)
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	71.765.846	(737.968.646)
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.695.764.293)	(9.672.013.085)
+ Chi phí lãi vay	06	2.360.730.075	2.015.393.325
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>58.958.334.216</b>	<b>20.069.204.419</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(355.083.570.020)	(52.318.368.189)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(54.148.483.715)	30.874.022.691
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	386.919.804.028	14.105.480.559
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	916.750.543	(2.550.234.168)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	10.000.000.000	(14.190.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.360.730.075)	(2.015.393.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.263.958.644)	(5.032.550.159)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.221.220.150)	(10.984.179.695)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>41.716.926.183</b>	<b>(22.042.017.867)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.149.154.659)	(7.927.886.612)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.887.764.131	2.556.200.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.732.000.000)	(48.850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.185.000.000	54.161.650.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.072.338.838)	(33.080.906.719)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.291.412.525	7.592.603.030
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(36.589.316.841)</b>	<b>(25.548.340.301)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2019

Theo phương pháp gián tiếp (tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	506.666.667	2.493.333.333
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.112.434.820)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	92.441.055.465	127.543.403.001
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(160.497.462.642)	(127.319.025.069)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>ILưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>(67.549.740.510)</b>	<b>(394.723.555)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(62.422.131.168)</b>	<b>(47.985.081.723)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>105.654.744.462</b>	<b>153.707.069.113</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.091.362	(67.242.928)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>43.233.704.656</b>	<b>105.654.744.462</b>

Người lập biểu

CHU HỒNG HẠNH

Kế toán trưởng

ĐẶNG THỊ THANH MINH

Tổng Giám đốc

PHAN CHIẾN THẮNG

## Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2019

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 21 vào ngày 2 tháng 04 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được giao dịch tại sàn HOSE.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

#### Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

#### Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đối với những công trình liên quan đến nhiều niên độ kế toán, khoản nợ phải thu được xác định từ thời điểm kết thúc hợp đồng, có biên bản nghiệm thu 2 bên.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 7. Tài sản cố định

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và được sửa đổi bởi Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải 05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng 02 - 08 năm
- Phần mềm máy tính 03 - 05 năm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

## 12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## 14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống v.v...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## 15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 16. Doanh thu

### Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

## **18. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái v.v...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

## **20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể. Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## Danh sách các Công ty được hợp nhất của Công ty

Công ty con	Địa chỉ
CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP PHẦN MỀM ELCOM	• Tòa nhà ELCOM, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
CÔNG TY CP ELCOM PLUS	• Tòa nhà ELCOM, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
CÔNG TY TNHH VTS HẢI PHÒNG	• Tòa nhà ELCOM, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
CÔNG TY CP ELCOM PRIME	• Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Công ty liên kết	Địa chỉ
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU MỚI BẮC KẠN	• Số 91 đường Trần Hưng Đạo, Tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
CÔNG TY CP MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM	• 18 Nguyễn Chí Thanh, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. TIỀN

TIỀN	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền mặt	2.116.599.309	579.835.556
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.157.892.786	55.774.908.906
Các khoản tương đương tiền	8.959.212.561	49.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.959.212.561	49.300.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>43.233.704.656</b>	<b>105.654.744.462</b>

## 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	GT dự phòng	Giá gốc	GT dự phòng
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>4.257.295.740</b>	-	<b>14.257.295.740</b>	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	67.295.740		67.295.740	
Trái phiếu Công ty TNHH MTV YAMAGATA			14.190.000.000	
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	4.190.000.000			
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>8.655.000.000</b>	-	<b>26.150.000.000</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.655.000.000		26.150.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>12.912.295.740</b>		<b>40.407.295.740</b>	

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi 5.875.000.000 đồng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7,5%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB); 300.000.000 đồng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6,4%/năm tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB); 1.000.000.000 đồng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 6,5%/năm tại Ngân hàng Indovinabank; 1.480.000.000 đồng có kỳ hạn 7 tháng với lãi suất 6,1%/năm tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

### b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Chi tiết xem Phụ lục 1 đính kèm)

## 3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	GT dự phòng	Giá gốc	GT dự phòng
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới	11.900.000.000	(9.400.000.000)	12.400.000.000	(9.400.000.000)
Các khoản cho vay khác (*)	11.242.000.000		3.700.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>23.142.000.000</b>	<b>(9.400.000.000)</b>	<b>16.100.000.000</b>	<b>(9.400.000.000)</b>

[\*] Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn một công ty và một số cá nhân với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất từ 6% đến 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.



#### 4 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	GT dự phòng	Giá trị	GT dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>701.026.066.617</b>	<b>(9.623.938.258)</b>	<b>309.996.645.383</b>	<b>(9.028.357.873)</b>
Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-net)	15.534.200.000		16.398.500.000	
Công ty Comverse Limited	15.642.085.000		23.239.107.500	
Cục Hàng hải Việt Nam	16.808.672.044		22.917.000.000	
Sở thông tin và truyền thông tỉnh Bắc Ninh	72.544.117.110			
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-		23.861.057.373	
Công ty CP Thương mại & DV Công nghệ GTSC VN	303.412.081.200			
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	36.148.416.446		27.194.931.896	
Khách hàng khác	240.936.494.817	(9.623.938.258)	196.386.048.614	
<b>b. Phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.808.672.044</b>	<b>(9.028.357.873)</b>
Cục Hàng hải Việt Nam			16.808.672.044	
<b>Cộng</b>	<b>701.026.066.617</b>	<b>(9.623.938.258)</b>	<b>326.805.317.427</b>	<b>(9.028.357.873)</b>
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>Mỗi quan hệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	6.500.437.591	6.500.437.591	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	597.770.779	597.770.779	
<b>Cộng</b>		<b>7.098.208.370</b>	<b>7.098.208.370</b>	

#### 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hudson Capital Holding Ltd.	8.420.353.500		8.304.686.380	
Công ty CP Uy tín Toàn cầu	22.918.200.000		-	
Công ty TNHH Techconvina GP Nhà thông minh			5.381.880.520	
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250		2.840.872.250	
Các khoản trả trước khác	65.465.192.664		96.963.160.005	
<b>Cộng</b>	<b>99.644.618.414</b>	<b>-</b>	<b>113.490.599.155</b>	<b>-</b>

Trả trước người bán là các bên liên quan (*)	Mỗi quan hệ	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ ông Phan Chiến Thắng - TGD	5.980.000.000	5.980.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng toà nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán lại tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### 6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>35.539.198.169</b>	<b>(6.611.845.048)</b>	<b>47.468.913.987</b>	<b>(6.614.665.928)</b>
- Dư nợ tạm ứng	11.105.114.777		11.945.006.021	
- Ký cược, ký quỹ	8.354.393.807		15.828.186.814	
- Phải thu khác (*)	16.079.689.585	(6.611.845.048)	19.695.721.152	(6.614.665.928)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>181.700.000</b>	<b>-</b>	<b>194.107.500</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	181.700.000		194.107.500	
<b>Cộng</b>	<b>35.720.898.169</b>	<b>(6.611.845.048)</b>	<b>47.663.021.487</b>	<b>(6.614.665.928)</b>

(*) Trong đó:	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà (**)	4.500.000.000	4.800.000.000
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	3.689.885.279
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	1.916.209.769
- Bà Nguyễn Phương Hải	1.005.750.000	1.005.750.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện		
- Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm	1.919.360.446	2.235.714.639
- Phải thu khác	3.048.484.091	6.048.161.465
<b>Cộng</b>	<b>16.079.689.585</b>	<b>19.695.721.152</b>

Phải thu là các bên liên quan (*)	Mỗi quan hệ	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	3.689.885.279	3.689.885.279

(\*\*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện tại đang làm việc với các nhà đầu tư có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.

## 7. NỢ XẤU

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	GT có thể thu hồi	Giá trị	GT có thể thu hồi
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn</b>	<b>40.628.212.614</b>	<b>14.992.429.308</b>	<b>40.568.753.109</b>	<b>15.525.729.308</b>
Công ty CP CN Vật liệu mới ELCOM Industry	16.211.247.702	2.500.000.000	16.711.247.702	3.000.000.000
Công ty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	4.287.656.058		4.287.656.058	33.300.000
TĐ Viễn thông QĐ Viettel - HĐ 02/2012	17.846.327.583	12.492.429.308	17.846.327.583	12.492.429.308
Cty CPĐTCN địa ốc Interland - HĐ02-06/2013	73.626.000			
Cty CP C.O.M.P.O Việt Nam - HĐ 0101-2014	485.833.505			
Các khách hàng khác	1.723.521.766		1.723.521.766	
<b>Cộng</b>	<b>40.628.212.614</b>	<b>14.992.429.308</b>	<b>40.568.753.109</b>	<b>15.525.729.308</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường;				
- Nguyên liệu, vật liệu	14.500.000		14.500.000	
- Công cụ dụng cụ	2.532.000		2.532.000	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	152.975.852.515	-	101.337.843.788	-
- Thành phẩm	9.552.555.610		3.288.937.683	
- Hàng hóa	58.057.398.308		61.810.541.247	
<b>Cộng</b>	<b>220.602.838.433</b>	<b>-</b>	<b>166.454.354.718</b>	<b>-</b>

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 đồng

## 9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
- Dự án Từ Liêm (*)	246.601.885	246.601.885
- Thiết bị PCCC tại Văn phòng Công ty		1.609.241.141
- Dự án khác	95.190.000	95.190.000
<b>Cộng</b>	<b>341.791.885</b>	<b>1.951.033.026</b>

(\*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

## 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

( Chi tiết xem Phụ lục 2)

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
<b>Số dư đầu năm (*)</b>			<b>11.910.973.795</b>	<b>744.439.881</b>	<b>12.655.413.676</b>
Số tăng trong năm	-	-	-		-
- Mua trong năm					-
Số giảm trong năm	-	-	(4.822.071.419)		(4.822.071.419)
- Thanh lý, nhượng bán			(4.822.071.419)		(4.822.071.419)
- Giảm khác					
Số dư cuối năm			7.088.902.376	744.439.881	7.833.342.257
<b>Giá trị hao mòn LK</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>			<b>7.611.238.514</b>	<b>37.301.213</b>	<b>7.648.539.727</b>
Số tăng trong năm			1.576.965.581	4.303.986	1.581.269.567
- Khấu hao trong năm			1.576.965.581	4.303.986	1.581.269.567
Số giảm trong năm	-	-	(4.822.071.419)		(4.822.071.419)
- Thanh lý, nhượng bán			(4.822.071.419)		(4.822.071.419)
- Giảm khác					
Số dư cuối năm			4.366.132.676	41.605.199	4.407.737.875
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm			4.299.735.281	707.138.668	5.006.873.949
Tại ngày cuối năm			2.722.769.700	702.834.682	3.425.604.382

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.500.000.000 đồng  
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm tiền vay: 0 đồng



## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>294.664.205</b>		<b>749.070.763</b>	
- Chi phí chờ phân bổ	294.664.205		749.070.763	
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.987.786.493</b>		<b>3.450.130.478</b>	
- Chi phí chờ phân bổ	2.987.786.493		3.450.130.478	
<b>Cộng</b>	<b>3.282.450.698</b>		<b>4.199.201.241</b>	

## 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>435.765.322.425</b>		<b>64.403.885.167</b>	
Công ty Ciena	2.445.341.552	2.445.341.552	1.569.037.500	1.569.037.500
Công ty CP Khoa học ứng dụng PPH	46.516.400.000	46.516.400.000	-	-
Công ty CP uy tín Toàn cầu	22.918.200.000	22.918.200.000	-	-
Comverse Network Ltd	320.176.823.971	320.176.823.971	-	-
Công ty ISG Technology Pte Ltd.	5.374.902.603	5.374.902.603	8.893.719.566	8.893.719.566
Công ty TNHH Ý Việt			14.939.545.912	14.939.545.912
Phải trả người bán khác	38.333.654.299	38.333.654.299	39.001.582.189	39.001.582.189
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>Cộng</b>	<b>435.765.322.425</b>		<b>64.403.885.167</b>	

## 14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV BĐS Hà Phan		-	1.375.007.564	1.375.007.564
Công ty CP ĐTXD hạ tầng cơ sở Bình Phước	5.045.000.000	5.045.000.000	-	-
Tổng công ty viễn thông Mobifone	24.741.597.082	24.741.597.082	-	-
Công ty TNHH MTV thông tin M1		-	4.286.399.040	4.286.399.040
Khách hàng khác	25.619.612.399	25.619.612.399	19.237.501.599	19.237.501.599
<b>Cộng</b>	<b>55.406.209.481</b>	<b>55.406.209.481</b>	<b>24.898.908.203</b>	<b>24.898.908.203</b>

## 15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>45.689.365.010</b>		<b>94.417.894.801</b>	
- Vay ngân hàng	45.689.365.010		94.417.894.801	
- Vay các đối tượng khác				
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>23.358.025.745</b>		<b>42.685.903.131</b>	
- Vay ngân hàng	23.358.025.745		42.685.903.131	
- Vay đối tượng khác				
<b>Cộng</b>	<b>69.047.390.755</b>		<b>137.103.797.932</b>	

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>435.765.322.425</b>		<b>64.403.885.167</b>	
Công ty Ciena	2.445.341.552	2.445.341.552	1.569.037.500	1.569.037.500
Công ty CP Khoa học ứng dụng PPH	46.516.400.000	46.516.400.000	-	-
Công ty CP uy tín Toàn cầu	22.918.200.000	22.918.200.000	-	-
Comverse Network Ltd	320.176.823.971	320.176.823.971	-	-
Công ty ISG Technology Pte Ltd.	5.374.902.603	5.374.902.603	8.893.719.566	8.893.719.566
Công ty TNHH Ý Việt			14.939.545.912	14.939.545.912
Phải trả người bán khác	38.333.654.299	38.333.654.299	39.001.582.189	39.001.582.189
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>Cộng</b>	<b>435.765.322.425</b>		<b>64.403.885.167</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.067.458.831</b>		<b>2.557.993.505</b>	
- Trích trước chi phí thực hiện dự án	587.180.165		1.969.520.635	
- Chi phí phải trả khác	480.278.666		588.472.870	
<b>Cộng</b>	<b>1.067.458.831</b>		<b>2.557.993.505</b>	

## 18. PHẢI TRẢ KHÁC

Khoản mục	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.734.698.893</b>	<b>6.744.248.122</b>
- Kinh phí công đoàn	1.051.698.416	822.477.916
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp		2.698.244
- Phải trả về cổ tức cho các cổ đông	825.310.408	825.310.408
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	934.764.713	852.579.713
- Phải trả, phải nộp khác	922.925.356	4.236.891.265
- Dư Có các khoản phải thu khác		4.290.576
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.528.812.400</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.263.511.293</b>	<b>6.744.248.122</b>

## 19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Khoản mục	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>694.256.833</b>	<b>411.105.000</b>
Doanh thu cho thuê văn phòng	694.256.833	411.105.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>694.256.833</b>	<b>411.105.000</b>

## 20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Khoản mục	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>613.885.213</b>	<b>1.615.358.714</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	613.885.213	1.615.358.714
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.980.413.279</b>	<b>2.362.984.470</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.980.413.279	2.362.984.470
<b>Cộng</b>	<b>2.594.298.492</b>	<b>3.978.343.184</b>

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Chi tiết xem Phụ lục 4)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm (VND)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm (VND)	Tỷ lệ (%)
- Vốn Nhà nước				
- Vốn góp của các đối tượng khác	509.282.430.000	100	509.282.430.000	100
<b>Cộng</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>100</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>100</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	509.282.430.000	509.282.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	509.282.430.000	509.282.430.000

d. Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.928.243	50.928.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.928.243	50.928.243
+ Cổ phiếu phổ thông	50.928.243	50.928.243
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	309.595	309.595
+ Cổ phiếu phổ thông	309.595	309.595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.618.648	50.618.648
+ Cổ phiếu phổ thông	50.618.648	50.618.648
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ công ty	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	41.410.255.576	41.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.610.255.576</b>	<b>46.610.255.576</b>



## 21 . CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<b>a. Ngoại tệ các loại</b>	-	-
- Đồng Đôla Mỹ (USD)	72.677,35	166.661,75
- Đồng Bảng Anh (GBP)		
- Đồng EURO (EUR)		78,18
<b>b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)</b>	<b>6.057.777.778</b>	<b>6.057.777.778</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>874.779.551.788</b>	<b>412.289.720.236</b>
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	29.512.649.000	12.675.432.335
Doanh thu bán hàng hóa	763.907.693.714	296.897.291.492
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.359.209.074	102.716.996.409
<b>Cộng</b>	<b>874.779.551.788</b>	<b>412.289.720.236</b>

	Mối quan hệ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Công ty CP Atani Holding (cho thuê VP)	Cùng thành viên HĐQT		390.944.482
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>390.944.482</b>

### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>755.009.338.629</b>	<b>318.521.883.189</b>
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.551.362.467	3.402.213.502
Giá vốn hàng hóa đã bán	715.404.269.134	254.835.482.152
Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.053.707.028	60.284.187.535
<b>Cộng</b>	<b>755.009.338.629</b>	<b>318.521.883.189</b>

## 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.906.601.358	7.555.847.190
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.384.811.167	1.560.674.095
- Lãi chênh lệch tỷ giá	166.326.345	1.087.070.308
<b>Cộng</b>	<b>6.457.738.870</b>	<b>10.203.591.593</b>

## 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Lãi tiền vay	2.360.730.075	2.015.393.325
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	188.372.907	242.725.947
- Chi phí dự phòng các khoản đầu tư	545.110.117	638.252.050
- Chi phí khác		57.026
<b>Cộng</b>	<b>3.094.213.099</b>	<b>2.896.428.348</b>

## 5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Chi phí nhân công	24.535.317.107	29.622.961.591
- Chi phí dự phòng bảo hành	2.913.016.985	838.738.025
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.060.919.037	6.292.115.987
- Chi phí khấu hao	381.188.063	
- Chi phí bằng tiền khác	2.297.934.882	1.566.265.665
<b>Cộng</b>	<b>36.188.376.074</b>	<b>38.320.081.268</b>

## 6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	28.841.496.550	25.337.181.489
- Chi phí nhân công		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.318.923.459	10.583.910.326
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.802.197.812	9.454.636.957
- Chi phí dự phòng	592.759.505	(1.521.353.529)
- Chi phí bằng tiền khác	4.599.885.785	7.215.198.516
<b>Cộng</b>	<b>53.155.263.111</b>	<b>51.069.573.759</b>

## 7. THU NHẬP KHÁC

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	404.351.768	550.000.000
- Chiết khấu, thưởng từ nhà cung cấp		
- Đồng EURO (EUR)	4.545.104.583	453.597.698
<b>Cộng</b>	<b>4.949.456.351</b>	<b>1.003.597.698</b>

## 8. CHI PHÍ KHÁC

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Chi phí khác	249.457.764	206.902.020
<b>Cộng</b>	<b>249.457.764</b>	<b>206.902.020</b>

## 9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế thu nhập Doanh nghiệp áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm. Trong 6 tháng đầu năm 2019, hoạt động sản xuất phần mềm chịu thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	39.083.062.116	12.471.654.564
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.884.977.740</b>	<b>3.418.020.633</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>486.602.441</b>	<b>70.921.414</b>

## 10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Khoản mục	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lợi nhuận thuần sau thuế	29.860.674.215	9.336.661.008
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	29.860.674.215	9.336.661.008
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.618.648	50.618.648
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>590</b>	<b>184</b>

Công ty không ước tính phân bổ Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2019. Do đó, việc tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này không bao gồm ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân bổ.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.233.704.656		105.654.744.462	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	736.746.964.786	(16.235.783.306)	374.468.338.914	(15.643.023.801)
Các khoản cho vay	23.142.000.000	(9.400.000.000)	16.100.000.000	(9.400.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	12.912.295.740		40.407.295.740	
Đầu tư dài hạn	220.979.119.484	(6.678.406.725)	170.772.792.305	(6.133.296.608)
<b>Cộng</b>	<b>1.037.014.084.666</b>	<b>(32.314.190.031)</b>	<b>707.403.171.421</b>	<b>(31.176.320.409)</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Vay và nợ	69.047.390.755	137.103.797.932
Phải trả người bán, phải trả khác	441.028.833.718	71.148.133.289
Chi phí phải trả	1.067.458.831	2.557.993.505
<b>Cộng</b>	<b>511.143.683.304</b>	<b>210.809.924.726</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.



### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Khoản mục	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.233.704.656			43.233.704.656
Phải thu khách hàng, phải thu khác	736.565.264.786	181.700.000		736.746.964.786
Các khoản cho vay	23.142.000.000			23.142.000.000
Đầu tư ngắn hạn	12.912.295.740			12.912.295.740
Đầu tư dài hạn			220.979.119.484	220.979.119.484
<b>Cộng</b>	<b>815.853.265.182</b>	<b>181.700.000</b>	<b>220.979.119.484</b>	<b>1.037.014.084.666</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.654.744.462			105.654.744.462
Phải thu khách hàng, phải thu khác	357.465.559.370	17.002.779.544		374.468.338.914
Các khoản cho vay	16.100.000.000			16.100.000.000
Đầu tư ngắn hạn	40.407.295.740			40.407.295.740
Đầu tư dài hạn			170.772.792.305	170.772.792.305
<b>Cộng</b>	<b>519.627.599.572</b>	<b>17.002.779.544</b>	<b>170.772.792.305</b>	<b>707.403.171.421</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Khoản mục	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	45.689.365.010	23.358.025.745		69.047.390.755
Phải trả người bán, phải trả khác	439.500.021.318	1.528.812.400		441.028.833.718
Chi phí phải trả	1.067.458.831			1.067.458.831
<b>Cộng</b>	<b>486.256.845.159</b>	<b>24.886.838.145</b>		<b>511.143.683.304</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	94.417.894.801	42.685.903.131		137.103.797.932
Phải trả người bán, phải trả khác	71.148.133.289			71.148.133.289
Chi phí phải trả	2.557.993.505			2.557.993.505
<b>Cộng</b>	<b>168.124.021.595</b>	<b>42.685.903.131</b>		<b>210.809.924.726</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty: Chi tiết xem Phụ lục 5.

## 4. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

<b>Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm nay (VND)</b>	<b>Năm trước (VND)</b>
Ông Phan Chiến Thắng cho Công ty thuê VP tại TP Hồ Chí Minh	Tổng Giám đốc	300.000.000	300.000.000


<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>Năm nay (VND)</b>	<b>Năm trước (VND)</b>
- Lương, thưởng và phụ cấp	2.885.882.400	4.175.242.000

## 5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo Tài chính hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2020

**Người lập biểu**



**CHU HỒNG HẠNH**

**Kế toán trưởng**



**ĐẶNG THỊ THANH MINH**

**Tổng Giám đốc**



**PHAN CHIẾN THẮNG**

**Các Phụ lục**

## PHỤ LỤC 1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Đầu tư tài chính dài hạn	SL cổ phiếu	Số cuối năm (VND)			Số đầu năm (VND)		
		Giá gốc	GT Dự phòng	GT hợp lý	Giá gốc	GT dự phòng	GT hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>97.621.371.027</b>	-	<b>97.621.371.027</b>	<b>5.842.543.848</b>		<b>5.842.543.848</b>
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	5.841.580.954		5.841.580.954	5.842.543.848		5.842.543.848
Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam	2.124.100	91.779.790.073	-	91.779.790.073			-
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>78.933.482.500</b>	<b>(6.678.406.725)</b>	<b>72.255.075.482.500</b>	<b>120.759.482.500</b>	<b>(6.133.296.608)</b>	<b>103.115.848.238</b>
Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam					41.826.000.000		41.826.000.000
Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	(1.724.290.348)	26.865.709.652	28.590.000.000	(1.679.203.675)	26.910.796.325
Công ty CP tư vấn hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000
Công ty CP Giải pháp Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500		2.148.349.500	2.148.349.500		2.148.349.500
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000		115.000.000	115.000.000		115.000.000
Công ty CP Đầu tư & phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	(360.000.000)	-	360.000.000	(360.000.000)	-
Công ty CP Trung Văn	371.699	26.985.200.000	(886.939.579)	26.098.260.421	26.985.200.000	(869.497.587)	26.115.702.413
Công ty CP Atani Holdings	1.473.493	14.734.933.000	(3.707.176.798)	11.027.756.202	(14.734.933.000)	(3.224.595.346)	11.510.337.654
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>44.424.265.957</b>	-	<b>44.424.265.957</b>	<b>44.170.765.957</b>	-	<b>44.170.765.957</b>
Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (+)		37.771.500.000		37.771.500.000	37.771.500.000		37.771.500.000
Công ty CP TRANSMEDIA		400.000.000		400.000.000	400.000.000		400.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		5.862.765.957		5.862.765.957	5.862.765.957		5.862.765.957
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam		390.000.000		390.000.000	136.500.000		136.500.000
<b>Cộng các khoản đầu tư</b>		<b>220.979.119.484</b>	<b>(6.678.406.725)</b>	<b>214.300.712.759</b>	<b>170.772.792.305</b>	<b>(6.133.296.608)</b>	<b>164.639.495.697</b>

(+) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh.



## PHỤ LỤC 2. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>78.550.381.984</b>	<b>64.800.046.972</b>	<b>11.945.086.726</b>	<b>25.987.712.170</b>	<b>-</b>	<b>181.283.227.852</b>
Số tăng trong năm	431.089.006	215.386.673	2.473.611.819	11.275.011.971	228.350.000	14.623.449.469
- Mua trong năm		215.386.673	2.473.611.819	11.275.011.971	228.350.000	14.192.360.463
- Đầu tư XCDB hoàn thành	431.089.006					431.089.006
- Tăng khác						-
Số giảm trong năm	(1.392.857.143)	(1.174.836.387)	(3.659.200.000)	-		(6.226.893.530)
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.392.857.143)	(1.174.836.387)	(3.659.200.000)			(6.226.893.530)
- Điều chuyển sang đơn vị khác						-
- Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>77.588.613.847</b>	<b>63.840.597.258</b>	<b>10.759.498.545</b>	<b>37.262.724.141</b>	<b>228.350.000</b>	<b>189.679.783.791</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>18.647.135.872</b>	<b>50.677.626.810</b>	<b>8.211.883.614</b>	<b>16.327.555.260</b>	<b>-</b>	<b>93.864.201.556</b>
Số tăng trong năm	3.175.221.777	11.617.260.498	1.505.889.989	6.479.701.487	25.372.224	22.803.445.975
- Khấu hao trong năm	3.175.221.777	11.617.260.498	1.505.889.989	6.479.701.487	25.372.224	22.803.445.975
- Tăng khác						-
Số giảm trong năm	(780.000.144)	(959.449.714)	(2.846.636.837)	-	-	(4.586.086.695)
- Thanh lý, nhượng bán	(780.000.144)	(959.449.714)	(2.846.636.837)			(4.586.086.695)
- Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.042.357.505</b>	<b>61.335.437.594</b>	<b>6.871.136.766</b>	<b>22.807.256.747</b>	<b>25.372.224</b>	<b>112.081.560.836</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	59.903.246.112	14.122.420.162	3.733.203.112	9.660.156.910	-	87.419.026.296
Tại ngày cuối năm	56.546.256.342	2.505.159.664	3.888.361.779	14.455.467.394	202.977.776	77.598.222.955

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019: 76.332.413.055 VND

### PHỤ LỤC 3. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số cuối năm (VND)		Trong năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>45.689.365.010</b>	<b>45.689.365.010</b>	<b>108.303.132.844</b>	<b>157.031.662.635</b>	<b>94.417.894.801</b>	<b>94.417.894.801</b>
Vay ngắn hạn Ngân hàng MB	20.326.615.006	20.326.615.006	31.851.517.104	35.776.760.334	24.251.858.236	24.251.858.236
Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV	83.000.004	83.000.004	34.014.183.364	61.211.127.183	27.279.943.823	27.279.943.823
Vay dài đến hạn trả (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt)	21.279.750.000	21.279.750.000	21.279.750.000	37.983.950.000	37.983.950.000	37.983.950.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng VCB	4.000.000.000	4.000.000.000	21.157.682.376	22.059.825.118	4.902.142.742	4.902.142.742
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>23.358.025.745</b>	<b>23.358.025.745</b>	<b>5.417.672.621</b>	<b>24.745.550.007</b>	<b>42.685.903.131</b>	<b>42.685.903.131</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>23.358.025.745</b>	<b>23.358.025.745</b>	<b>5.417.672.621</b>	<b>24.745.550.007</b>	<b>42.685.903.131</b>	<b>42.685.903.131</b>
Vay dài hạn Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	23.005.275.752	23.005.275.752	4.919.672.621	24.600.300.000	42.685.903.131	42.685.903.131
Vay dài hạn Ngân hàng Tiên Phong	352.749.993	352.749.993	498.000.000	145.250.007		
<b>Cộng các khoản vay</b>	<b>69.047.390.755</b>	<b>69.047.390.755</b>	<b>113.720.805.465</b>	<b>181.777.212.642</b>	<b>137.103.797.932</b>	<b>137.103.797.932</b>

## PHỤ LỤC 4. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

CÁC KHOẢN MỤC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU								
Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>88.677.010.000</b>	<b>(236.900.000)</b>	<b>37.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>12.033.551.751</b>	<b>141.234.319.028</b>	<b>793.600.666.355</b>
Tăng vốn trong năm						2.493.333.333		2.493.333.333
Lãi/lỗ trong năm						(353.948.491)	9.336.661.008	8.982.712.517
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại								-
Tăng khác						1.489.780.952		1.489.780.952
Phân phối lợi nhuận				4.000.000.000			(8.000.000.000)	(4.000.000.000)
Chi trả cổ tức								
Thưởng cổ phiếu quỹ								
Mua cổ phiếu quỹ			(3.112.434.820)				((1.489.820.853))	(4.602.255.673)
Giảm khác						(5.250.000.000)		(5.250.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>88.677.010.000</b>	<b>(3.349.334.820)</b>	<b>41.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>10.412.717.545</b>	<b>141.081.159.183</b>	<b>792.714.237.484</b>
Tăng trong năm								-
Lãi/lỗ trong năm						850.807.720	29.860.674.215	30.711.481.935
Quyền kiểm soát công ty con					-			-
Tăng khác							210.865.008	210.865.008
Phân phối lợi nhuận						268.875.000		268.875.000
Chi trả cổ tức								-
Giảm khác						(319.247.106)		(319.247.106)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>88.677.010.000</b>	<b>(3.349.334.820)</b>	<b>41.410.255.576</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>11.213.153.159</b>	<b>171.152.698.406</b>	<b>823.586.212.321</b>



## Phụ lục 5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Báo cáo Bộ phận chính yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán phần mềm	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần ra bên ngoài	81.359.209.074	763.887.781.554	29.512.649.000	-	874.759.639.628
Giá vốn của các bộ phận	37.053.707.028	715.404.269.134	2.551.362.467	-	755.009.338.629
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>44.305.502.046</b>	<b>48.483.512.420</b>	<b>26.961.286.533</b>	-	<b>119.750/300.999</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					89.343.639.185
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>30.406.661.814</b>
Doanh thu từ hoạt động tài chính					6.457.738.870
Chi phí tài chính					3.094.213.099
Thu nhập khác					4.949.456.351
Chi phí khác					249.457.764
Thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành					7.884.977.740
Thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn loại					486.602.441
Lãi, lỗ trong Công ty liên kết					612.875.944
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>30.711.481.935</b>